

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 1: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới; về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; về Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam.

2. Về năng lực

Nêu được những nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Phân tích được những nội dung cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; về Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam.

3. Về phẩm chất

Có ý thức trách nhiệm của công dân trong quản lý, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia; tích cực tham gia các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4 (phiếu học tập).

Tranh, ảnh theo các hình từ 1.1 – 1.5 trong SGK; Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013; Luật Biển Việt Nam năm 2012; Luật Biên giới quốc gia năm 2003.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

HS hứng thú và sẵn sàng tìm hiểu kiến thức về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở bài học mới.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 1.1 trong SGK và nêu ý nghĩa về câu nói của Bác Hồ: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

c) Sản phẩm

Là sự khẳng định công lao to lớn của các Vua Hùng cũng như các thế hệ cha ông trong công cuộc dựng nước; đồng thời, nhắc nhở toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta có trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

d) Tổ chức thực hiện

– GV dẫn dắt: Ngày 19/9/1954, trong buổi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong, Bác Hồ đã căn dặn: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” và yêu cầu HS cho biết ý nghĩa của câu nói đó.

– GV gọi HS trả lời, từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Lưu ý: GV có thể sử dụng video về công tác bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian qua và tiến hành hoạt động mở đầu.

Hoạt động 2. Khám phá

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu

HS nêu được mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nêu được mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.	Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới: – Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. – Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá và lợi ích quốc gia – dân tộc. – Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người. – Xây dựng xã hội trật tự, kỉ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm

a) Mục tiêu

HS nêu được quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nêu được quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và nêu quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.	Quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới: – Giữ vững sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. – Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. – Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế – xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước. – Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy cao nhất sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Phát huy mạnh mẽ nội lực là nhân tố quyết định; đồng thời, tranh thủ tối đa mọi thuận lợi từ bên ngoài. – Xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt. – Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ; đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá. – Vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng: Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; bất kì thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của Nhà nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Chủ quyền lãnh thổ

a) Mục tiêu

HS phân tích được một số nội dung về chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, nghe, ghi nội dung.

c) Sản phẩm

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; phân tích làm rõ nội dung.

2. Biên giới quốc gia

a) Mục tiêu

HS phân tích được những nội dung cơ bản về biên giới quốc gia.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS phân tích được thế nào là biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trong lòng đất và biên giới quốc gia trên không (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 1.2 trong SGK để xác định biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trong lòng đất và biên giới quốc gia trên không.	– Biên giới quốc gia: Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo; trong đó, có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất,

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, quan sát hình 1.2 trong SGK, tham gia thảo luận nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về cách xác định biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trong lòng đất và biên giới quốc gia trên không.	vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Biên giới quốc gia trên đất liền: Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới. – Biên giới quốc gia trên biển: Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các Điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan. – Biên giới quốc gia trong lòng đất: Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. – Biên giới quốc gia trên không: Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.

3. Khu vực biên giới

a) Mục tiêu

HS nêu được khái niệm khu vực biên giới.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 1.3 trong SGK; ghi các khái niệm vào phiếu học tập.

c) Sản phẩm

HS nêu được khái niệm khu vực biên giới trên đất liền, trên biển và trên không (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	– Khu vực biên giới trên đất liền:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 1.3 trong SGK để xác định khu vực biên giới trên đất liền, trên biển và trên không. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, quan sát hình 1.3 trong SGK, tham gia thảo luận nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về cách xác định khu vực biên giới trên đất liền, trên biển và trên không.	Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền. – Khu vực biên giới trên biển: Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo. – Khu vực biên giới trên không: Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc biên giới quốc gia, có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia trở vào.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm

a) Mục tiêu

HS nắm được các hành vi bị nghiêm cấm về lãnh thổ, biên giới quốc gia.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để xác định các hành vi bị nghiêm cấm về lãnh thổ, biên giới quốc gia.

c) Sản phẩm

HS nắm được các hành vi bị nghiêm cấm về lãnh thổ, biên giới quốc gia (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để xác định các hành vi bị nghiêm cấm về lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin trong SGK, tham gia thảo luận nhóm.	Các hành vi bị nghiêm cấm: – Xê dịch, phá hoại mốc quốc giới; làm sai lệch, chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia; làm thay đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; gây hư hại mốc quốc giới. – Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; xâm canh, xâm cư ở

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về các hành vi bị nghiêm cấm về lãnh thổ, biên giới quốc gia.	khu vực biên giới; phá hoại công trình biên giới. – Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia. – Qua lại trái phép biên giới quốc gia; buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ, vũ khí, ma tuý, chất nguy hiểm cháy, nổ qua biên giới quốc gia; vận chuyển qua biên giới quốc gia văn hoá phẩm độc hại và các loại hàng hoá khác mà Nhà nước cấm nhập khẩu, xuất khẩu. – Bay vào khu vực cấm bay; bắn, phóng, thả, đưa qua biên giới quốc gia trên không phương tiện bay, vật thể, các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, sức khoẻ nhân dân, môi trường, an toàn hàng không và trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới. – Các hành vi khác vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN NĂM 1982 VÀ LUẬT BIỂN VIỆT NAM

1. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982

a) Mục tiêu

HS nêu được nhận thức chung và quan điểm của Nhà nước ta về Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 1.4 trong SGK để nắm nhận thức chung và quan điểm của Nhà nước ta về Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

c) Sản phẩm

HS nêu được nhận thức chung và quan điểm của Nhà nước ta về Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	– Nhận thức chung:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 1.4 trong SGK để nắm được nhận thức chung và quan điểm của Nhà nước ta về Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, quan sát hình 1.4 trong SGK; nghe, ghi nội dung GV phân tích. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV phân tích, làm rõ nội dung nhận thức chung và quan điểm của Nhà nước ta về Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo nào của nước ta? Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và kết luận: Đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo Trường Sa.	Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 được công bố vào ngày 10/12/1982 và chính thức có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, bao gồm 17 phần, 320 điều và 9 phụ lục. Đây là văn kiện pháp lí quan trọng, điều chỉnh quyền và nghĩa vụ cơ bản của các quốc gia trong sử dụng biển; quản lí và bảo tồn các tài nguyên biển. – Quan điểm của Nhà nước ta: + Ngày 23/6/1994, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kì họp thứ năm đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Nghị quyết khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với nội thuỷ, lãnh hải, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở các quy định của Công ước và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, yêu cầu các nước tôn trọng các quyền nói trên của Việt Nam. + Cũng trong Nghị quyết này, Quốc hội tiếp tục khẳng định chủ quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lí khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo này. Đồng thời, Quốc hội chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hoà bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

2. Luật Biển Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nêu được những nội dung cơ bản của Luật Biển Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 1.5 trong SGK, thảo luận nhóm về một số nội dung cơ bản của Luật Biển Việt Nam.

c) Sản phẩm

HS nêu được những khái niệm về vùng biển Việt Nam, vùng biển quốc tế, đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, đảo, quần đảo (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 1.5 trong SGK để làm rõ những khái niệm về vùng biển Việt Nam, vùng biển quốc tế, đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, đảo, quần đảo. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, quan sát hình 1.5 trong SGK; tham gia thảo luận nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm (vừa nói vừa chỉ vào hình 1.5); các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. GV sử dụng hình 1.5 để tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét về vùng biển Việt Nam, vùng biển quốc tế, đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, đảo, quần đảo.	- Vùng biển Việt Nam: Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, Điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. - Vùng biển quốc tế: Vùng biển quốc tế là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển. – Đường cơ sở: Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn. – Nội thủy: Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. – Lãnh hải:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. – Vùng tiếp giáp lãnh hải: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải. – Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. – Thềm lục địa: Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Ranh giới ngoài thềm lục địa cách đường cơ sở không quá 350 hải lí. – Đảo: Là vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước. – Quần đảo: Là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

IV. TRÁCH NHIỆM TRONG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Trách nhiệm của công dân

a) Mục tiêu

HS phân tích được trách nhiệm chung của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để làm rõ trách nhiệm của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

c) Sản phẩm

HS phân tích được trách nhiệm chung của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và nêu trách nhiệm của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về trách nhiệm của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.	Trách nhiệm của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia: – Chủ động học tập, nghiên cứu nắm chắc và chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. – Thường xuyên nêu cao ý thức trong quản lí, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; tinh thần cảnh giác cách mạng trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc khi cần. – Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; vận động người thân, gia đình, nhân dân địa phương chấp hành nghiêm pháp luật; kịp thời báo cho chính quyền hoặc lực lượng chức năng gần nhất khi có những hành động xâm hại đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

2. Trách nhiệm của học sinh

a) Mục tiêu

HS hiểu được trách nhiệm của bản thân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để hiểu rõ trách nhiệm của mình trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

c) Sản phẩm

HS hiểu được trách nhiệm của bản thân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và nêu trách nhiệm của bản thân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về trách nhiệm của bản thân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của HS trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.	Trách nhiệm của HS trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia: – Tích cực học tập, nâng cao nhận thức pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. – Không làm những việc ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và những hành vi vi phạm pháp luật khác. – Thường xuyên tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia. Tự giác tham gia các hoạt động tìm hiểu, tuyên truyền về chủ quyền biên giới quốc gia, biển, đảo do nhà trường, đoàn thanh niên và các cấp phát động. – Khi phát hiện những hành vi vi phạm chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia cần có biện pháp ngăn chặn phù hợp và báo cáo kịp thời với nhà trường, chính quyền địa phương hoặc lực lượng chức năng gần nhất.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về mục tiêu, quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới của Đảng; những hành vi bị nghiêm cấm về biên giới quốc gia; nội dung cơ bản của Luật Biển Việt Nam.

b) Nội dung

HS trả lời những câu hỏi cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

HS trả lời được những câu hỏi cụ thể trong phần luyện tập.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu lần lượt câu hỏi 1, 2, 3 và gọi HS trả lời; khuyến khích, thảo luận, nhận xét và thống nhất nội dung.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS tham gia thảo luận nhóm nội dung 1 trên lớp; thực hiện nội dung 2 ở nhà.

c) Sản phẩm

1. Thái khuyển bạn không được vượt mốc giới sang nước bạn vì đó là hành vi vi phạm Luật Biên giới quốc gia năm 2003.

2. Một số câu chuyện về tấm gương anh hùng lực lượng vũ trang trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

– Sự kiện Gạc Ma: ngày 14/3/1988 chiến sĩ Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng hi sinh để bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

– Ông Trần Văn Phúc, sinh năm 1944, người dân tộc Vân Kiều ở bản Khe Cát, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động bà con trong vùng thực hiện tốt phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia”. Với những kết quả đã đạt được, ông vinh dự được dự hội nghị biểu dương “Người có uy tín, tiêu biểu trong phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ an ninh biên giới” khu vực biên giới tuyến Việt Nam – Trung Quốc và Việt Nam – Lào giai đoạn 2009 – 2018, do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng Việt Nam tổ chức vào ngày 27-28 tháng 9 năm 2018 tại tỉnh Quảng Trị.

d) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức thực hiện nội dung vận dụng 1 ở trên lớp; giao bài tập về nhà cho HS và quy định thời gian nộp, kiểm tra đối với nội dung vận dụng 2.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 2: LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 11...

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cụ thể:

– Một số nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự: Nghĩa vụ quân sự của công dân; đăng kí nghĩa vụ quân sự; nhập ngũ; một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân; các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm hành chính.

– Một số nội dung cơ bản trong Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân: Đối tượng tuyển chọn và thời gian phục vụ; tiêu chuẩn tuyển chọn; xử lý vi phạm.

– Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân: Trách nhiệm của công dân; trách nhiệm của học sinh.

2. Về năng lực

Nêu được những nội dung chính của Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

3. Về phẩm chất

– Biết đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự.

– Xây dựng ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân với Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Tranh, ảnh theo Hình 2.1 trong SGK; các loại tranh, ảnh khác liên quan đến Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.; giấy A0, A4.

– Văn bản Luật Nghĩa vụ quân sự 2015; Nghị định 70/2019 của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS vào bài học và hướng HS tìm hiểu về nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

b) Nội dung

HS thực hiện yêu cầu: Em hãy cho biết cảm xúc của mình sau khi xem đoạn phim.

c) Sản phẩm

- Tạo hứng thú cho HS tiếp cận nội dung bài học.
- Tuyên truyền những hình ảnh đẹp trong thực hiện nghĩa vụ quân sự.

d) Tổ chức thực hiện

GV cho HS xem đoạn phim và nêu câu hỏi, sau đó GV yêu cầu HS trả lời rồi dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2: Khám phá

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

1. Nghĩa vụ quân sự của công dân

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nội dung cơ bản về Nghĩa vụ quân sự của công dân; xây dựng ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác chấp hành nghiêm nghĩa vụ quân sự với Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành những nội dung theo bảng gợi ý trong SGK.

c) Sản phẩm

HS trình bày được những nội dung cơ bản về nghĩa vụ quân sự của công dân (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp theo nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận	Nghĩa vụ quân sự của công dân: – Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân,... – Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.

GV yêu cầu HS trình bày về tác hại của ma túy; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Công dân phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ. – Theo Luật Nghĩa vụ quân sự, công dân phục vụ trong lực lượng dân quân tự vệ không được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trừ trường hợp công dân phục vụ trong lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, trong đó có ít nhất 12 tháng làm nhiệm vụ dân quân tự vệ thường trực thì được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình.
--	--

2. Đăng kí nghĩa vụ quân sự

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nội dung cơ bản về đăng kí nghĩa vụ quân sự; xây dựng ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác chấp hành nghiêm việc đăng kí nghĩa vụ quân sự với Tổ quốc.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm, chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về đăng kí nghĩa vụ quân sự (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp theo nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ cho HS.	– Đối tượng đăng kí nghĩa vụ quân sự: Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên. Công dân nữ đủ 18 tuổi trở lên (có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân).
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ.	– Cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự cho công dân cư trú tại địa phương.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận	

GV yêu cầu HS trình bày đối tượng và cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	
---	--

3. Nhập ngũ

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nội dung cơ bản về nhập ngũ, các trường hợp được tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ nghĩa vụ quân sự.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về đăng kí nghĩa vụ quân sự (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp theo nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày đối tượng nhập ngũ, các trường hợp được tạm hoãn, miễn gọi nhập	– Tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ: Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi. Công dân được gọi nhập ngũ khi có đầy đủ các điều kiện sau: Có lí lịch rõ ràng; chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp

ngũ nghĩa vụ quân sự; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	luật của Nhà nước; đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo quy định; có trình độ văn hoá phù hợp. – Dũng không được miễn gọi nhập ngũ vì Dũng không nằm trong các trường hợp công dân được miễn gọi nhập ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự 2015.
--	--

4. Một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân

a) Mục tiêu

HS nắm được một số chế độ chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK.

c) Sản phẩm

HS nắm được một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân; các HS	Một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân: – Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời gian phục vụ tại ngũ: Được bảo đảm kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hàng tháng và một số chế độ đãi ngộ khác. – Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ: Được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, trợ cấp xuất ngũ. Trước khi nhập ngũ, đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề

khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học ở các trường đó; được trợ cấp tạo việc làm,... – Đối với thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...
--	--

5. Các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm hành chính

a) Mục tiêu

HS nắm được các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm hành chính.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK.

c) Sản phẩm

HS nắm được các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm hành chính (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.	Các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm hành chính: – Các hành vi bị nghiêm cấm: + Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự. + Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự. + Gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự. + Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật. + Xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh sĩ.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Xử lý vi phạm hành chính: + Không đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu; không thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập theo quy định; không thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự tạm vắng theo quy định. + Cố ý không nhận lệnh gọi kiểm tra, khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự; không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm kiểm tra, khám sức khoẻ ghi trong lệnh gọi kiểm tra hoặc khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự mà không có lí do chính đáng; gian dối, làm sai lệch kết quả phân loại sức khoẻ của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự; đưa tiền, tài sản, hoặc lợi ích vật chất khác trị giá dưới 2 000 000 đồng cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc người khác để làm sai lệch kết quả phân loại sức khoẻ của người được kiểm tra hoặc người được khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự. + Không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lí do chính đáng; gian dối nhằm trốn tránh thực hiện lệnh gọi nhập ngũ sau khi đã có kết quả khám tuyển sức khoẻ nghĩa vụ quân sự đủ điều kiện nhập ngũ theo quy định.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Đối tượng tuyển chọn

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nội dung cơ bản về đối tượng tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung trả lời theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về đối tượng tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	Đối tượng tuyển chọn: – Công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015. Công dân nữ trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. – Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể độ tuổi tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng đơn vị sử dụng và quy định ngành, nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với nhu cầu sử dụng trong từng thời kì.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nội dung cơ bản về tiêu chuẩn tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về tiêu chuẩn tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	Tiêu chuẩn tuyển chọn: – Có lí lịch rõ ràng; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không có tiền án, tiền sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, quản chế, không trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; có phẩm chất, đạo đức tư cách tốt, được quần chúng nhân dân nơi cư trú hoặc nơi học tập, công tác tín nhiệm. – Bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ nghĩa vụ trong Công an nhân dân. – Có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên. Các xã miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn được tuyển công dân có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở. – Thể hình cân đối, không dị hình, dị dạng và đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

3. Hồ sơ, thủ tục tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

a) Mục tiêu

HS nắm được hồ sơ, thủ tục tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được hồ sơ, thủ tục tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	Hồ sơ, thủ tục tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân – Hồ sơ tuyển chọn: + Tờ khai đăng kí thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. + Giấy chứng nhận đăng kí nghĩa vụ quân sự. – Thủ tục tuyển chọn: + Công an xã, phường, thị trấn căn cứ số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được giao trên địa bàn xã, tiến hành tham mưu với uỷ ban nhân dân cùng cấp tổ chức thông báo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở công an, uỷ ban nhân dân cấp xã về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự tuyển. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự tuyển ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo; tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng kí dự tuyển và tổ chức sơ tuyển (chiều cao, cân nặng, hình thể); báo cáo kết quả (kèm theo hồ sơ) của những trường hợp đạt yêu cầu qua sơ tuyển về công an cấp huyện.

III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của công dân

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm của công dân trong thực hiện nghĩa vụ quân sự.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm, chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của công dân trong thực hiện nghĩa vụ quân sự (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	Trách nhiệm của công dân: – Khi có lệnh gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự phải đến đúng thời gian, địa điểm quy định. – Chấp hành nghiêm lệnh khám tuyển. – Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động người thân, gia đình, bạn bè và những người xung quanh chấp hành nghiêm các quy định về đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự. – Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các biểu hiện ngại khó, ngại khổ,...

2. Trách nhiệm của học sinh

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm của mình trong thực hiện nghĩa vụ quân sự.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của mình trong thực hiện nghĩa vụ quân sự (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận; GV theo dõi, giúp đỡ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	Trách nhiệm của học sinh: – Chấp hành nghiêm trách nhiệm của một công dân đối với các nội dung phù hợp với lứa tuổi học sinh trong thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân – Tích cực tham gia các hoạt động trong nhà trường và ở địa phương nhằm tuyên truyền về thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. – Đấu tranh với những biểu hiện và hành vi không đúng về thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu và trả lời câu hỏi, tình huống luyện tập.

c) Sản phẩm

Câu chuyện về đức hi sinh cao cả của người mẹ và tấm gương tiêu biểu của người thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những điều có thể rút ra từ những câu chuyện trên: Tình yêu cao cả của Hùng và mẹ dành cho Tổ quốc. Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn, Hùng là con của liệt sĩ được miễn thực hiện nghĩa vụ quân sự xong vẫn tình nguyện lên đường nhập ngũ. Đây là tấm gương sáng để học sinh học tập.

d) Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện câu hỏi luyện tập và ghi ra giấy.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc và viết cảm nhận thông qua câu chuyện.

– Báo cáo, thảo luận: GV thu sản phẩm của HS, lựa chọn những câu trả lời điển hình để thảo luận trước lớp.

– Nhận định, kết luận: Nhận xét, đánh giá các sản phẩm của HS; thống nhất, định hướng chung cho HS theo câu hỏi.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học về Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS vận dụng kiến thức đã học về Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân để chuẩn bị từng nội dung vận dụng.

c) Sản phẩm

1. Nâng cao nhận thức về thực hiện nghĩa vụ quân sự; tích cực học tập, sẵn sàng tham gia nghĩa vụ quân sự, thực hiện tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân và các nhiệm vụ khác để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Giúp HS nắm chắc kiến thức về nghĩa vụ quân sự để tuyên truyền cho bạn bè, người thân chấp hành nghiêm các quy định về Nghĩa vụ quân sự.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS dựa vào kiến thức đã học, gán trách nhiệm của học sinh với Tổ quốc để trả lời các câu hỏi.

– GV yêu cầu HS viết ra giấy hoặc trình bày trước lớp; GV kiểm tra.

– GV nhận xét, định hướng nội dung HS cần thực hiện trong học tập và trong cuộc sống ở nhà trường, địa phương.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

Bài 3: PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được một số loại hình tội phạm và tệ nạn xã hội; hình thức, cách thức hoạt động của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.

Nêu được quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

2. Về năng lực

Nêu được khái niệm tội phạm, một số loại tội phạm, cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm; Nêu được khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao, một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam, quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Khái niệm tệ nạn xã hội, một số loại tệ nạn xã hội, quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.

3. Về phẩm chất

Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Tuyên truyền các biện pháp phòng, chống không để các đối tượng tội phạm móc nối, lôi kéo bản thân và gia đình vi phạm pháp luật.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); bảng flipchart (nếu có); giấy A0, A4, A5.

Tranh ảnh theo hình trong SGK và các loại tranh ảnh, tư liệu (phim ngắn) trên trang thông tin chính thống của cơ quan nhà nước hoặc kết hợp với công an địa phương lấy tư liệu giảng dạy.

GV sử dụng các văn bản pháp luật như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật An ninh mạng, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật khác

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú, tạo sự kết nối và giới thiệu nội dung chính của bài học về phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.

b) Nội dung

GV nêu câu hỏi, HS sử dụng những kiến thức đã biết trả lời.

c) Sản phẩm

- Một số thủ đoạn lừa đảo trên không gian mạng hiện nay: Giả danh cán bộ công an, toà án; gọi điện, nhắn tin trúng thưởng; giả danh người quen kết bạn vay tiền; lừa xin việc,...
- Tác hại của tệ nạn xã hội: Ảnh hưởng đến bản thân người tham gia (ảnh hưởng sức khoẻ, mất thời gian, tiêu tốn tiền của, mất uy tín, niềm tin đối với mọi người, có nguy cơ vi phạm pháp luật,...); ảnh hưởng đến gia đình (mất tiền của; thiếu sự gắn kết có nguy cơ dẫn đến tan vỡ,...); ảnh hưởng đến xã hội (mất ổn định an ninh trật tự; gây tâm lí hoang mang trong quần chúng nhân dân,...)

d) Tổ chức thực hiện

GV đưa câu hỏi: Kể tên một số thủ đoạn của tội phạm lừa đảo trên không gian mạng mà em biết. Em hãy cho biết tác hại của một số loại tệ nạn xã hội ở nước ta hiện nay. Sau đó, yêu cầu HS trả lời rồi dẫn dắt vào bài học.

Sau khi dẫn dắt, GV trình bố cục bài giảng, thời gian và những hoạt động sẽ tiến hành trong bài giảng.

Hoạt động 2. Khám phá

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ TỘI PHẠM

1. Khái niệm tội phạm

a) Mục tiêu

HS hiểu, nhận thức được về một số loại hình tội phạm.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nắm được khái niệm tội phạm, đặc điểm của tội phạm.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về khái niệm tội phạm, đặc điểm của tội phạm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận	– Tội phạm: Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ Quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm phòng không nhân dân, thể trận phòng không nhân dân, địa bàn phòng không nhân dân.	nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự. – Đặc điểm của tội phạm: + Tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội tức là hành vi vi phạm luật có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn các loại vi phạm pháp luật khác. + Tính có lỗi: người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải là người có lỗi (lỗi cố ý phạm tội hoặc vô ý phạm tội). + Tính trái pháp luật hình sự: hành vi nguy hiểm cho xã hội do người thực hiện có lỗi nhưng hành vi nguy hiểm cho xã hội phải được quy định trong Bộ luật Hình sự. + Tính phải chịu hình phạt có nghĩa là bất cứ một hành vi phạm tội nào cũng phải áp dụng một hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự. Các hình phạt chính bao gồm: cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình. Bên cạnh đó, có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung như quản chế, tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản;...

2. Một số loại tội phạm

a) Mục tiêu

HS biết được một số loại tội phạm ở nước ta hiện nay.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nắm được một số loại tội phạm ở nước ta hiện nay.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu một số loại tội phạm ở nước ta hiện nay.	– Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) là Bộ luật duy nhất quy định về tội phạm và hình phạt. Theo đó, về cấu trúc, Bộ luật Hình sự gồm 3 phần: Phần chung,

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về một số loại tội phạm ở nước ta hiện nay. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, thống nhất về một số loại tội phạm ở nước ta hiện nay.	phần các tội phạm (phần riêng) và phần điều khoản thi hành. Theo quy định của Bộ luật Hình sự, có 318 hành vi bị coi là tội phạm. – Một số loại tội phạm hiện nay như giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản, trộm cắp tài sản, mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức đua xe trái phép, đánh bạc, tổ chức đánh bạc,...

3. Cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm

a) Mục tiêu

HS hiểu, nhận thức được phương thức, thủ đoạn hoạt động phổ biến của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Từ đó, so sánh với môi trường sống để xác định phương thức, thủ đoạn tương tự.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, ghi cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm.

c) Sản phẩm

HS nêu được cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và nêu cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và ghi vào phiếu cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một số HS trình bày cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm.	Cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm: – <i>Cấu kết thành các băng nhóm, tổ chức để hoạt động</i> Các đối tượng phạm tội thường có xu hướng cấu kết thành băng nhóm, tạo vỏ bọc hợp pháp thông qua hoạt động của các công ti, đơn vị hoặc tổ chức, có sự lôi kéo, mua chuộc, làm tha hoá cán bộ công chức để dung túng, bao che hoạt động phạm tội. Việc cấu kết thành băng nhóm sẽ tạo thuận lợi trong hỗ trợ lẫn nhau khi thực hiện tội phạm và lôi kéo người khác tham gia tệ nạn xã hội.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm.	– <i>Sử dụng vũ khí, công cụ, phương tiện trong hoạt động</i> Để đảm bảo cho việc phạm tội được trót lọt, đạt hiệu quả mà không bị phát hiện, các đối tượng phạm tội thường căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu, thủ đoạn gây án mà lựa chọn các loại vũ khí, công cụ, phương tiện để gây án cho phù hợp, từ đó có kế hoạch mua sắm, chế tạo, thậm chí là phạm tội để có các công cụ, phương tiện đó. Các loại công cụ, phương tiện mà tội phạm thường chuẩn bị và sử dụng như vạm phá khóa; kim cộng lực; phương tiện xe máy có phân khối lớn để cướp, cướp giết tài sản; các loại vũ khí như súng, lựu đạn, súng tự chế, dao, mã tấu,... – <i>Hoạt động mang tính lưu động trên phạm vi nhiều tỉnh, thành, xuyên quốc gia và có tính chất quốc tế</i> Để tránh bị phát hiện và thực hiện trót lọt hành vi phạm tội, các đối tượng thường hoạt động lưu động trên nhiều tuyến, địa bàn, thậm chí hoạt động có tính chất xuyên quốc gia. Ở một số loại tội phạm, các đối tượng thường có xu hướng mở rộng về địa bàn hoạt động hoặc có sự tranh giành địa bàn để thực hiện tội phạm. – <i>Sử dụng công nghệ cao trong quá trình hoạt động phạm tội</i> Nhằm nhanh chóng đạt được mục đích và hiệu quả của hoạt động phạm tội, nhiều đối tượng trong băng nhóm tội phạm đã sử dụng những thành tựu của khoa học công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin để thực hiện một số loại tội phạm như đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá; lừa đảo qua mạng; trộm cắp tài sản qua thẻ ngân hàng giả; mua bán người; môi giới mại dâm,... gây khó khăn cho công tác đấu tranh của các cơ quan chức năng.

II. PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

1. Khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao

a) Mục tiêu

HS nắm được khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nêu được khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: Tội phạm sử dụng công nghệ cao là gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và ghi khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao. GV nhấn mạnh, tội phạm có sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay rất đa dạng. Tuy nhiên, phần lớn tội phạm sử dụng công nghệ cao tập trung lợi dụng sự phát triển công nghệ thông tin, kết nối mạng internet,... để thực hiện hành vi phạm tội trên không gian mạng.	– Tại Việt Nam, theo khoản 1, Điều 3 Nghị định số 25/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07 tháng 4 năm 2014 quy định: “Tội phạm có sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự có sử dụng công nghệ cao”. Theo khoản 1, Điều 3 của Luật Công nghệ cao năm 2008 quy định: Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hoá ngành sản xuất, dịch vụ hiện có. – Theo đó, tội phạm có sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

2. Một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay

a) Mục tiêu

HS nắm được một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và ghi một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay.	Một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay – <i>Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng:</i> Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng nổi lên một số hình thức, cách thức phổ biến sau: Lừa đảo thông qua kết nối mạng xã hội như facebook, zalo,...; mạo danh các cơ quan chức năng; kêu gọi đầu tư tài chính, tiền ảo,... Hình thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng luôn có sự thay đổi theo sự phát triển của công nghệ thông tin ở từng thời kì. – <i>Đánh bạc, tổ chức đánh bạc trên không gian mạng:</i> Lợi dụng mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng máy tính,... để thực hiện hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc trên không gian mạng. – <i>Môi giới mại dâm trên không gian mạng:</i> Là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự cố ý thực hiện bằng cách thao tác trên không gian mạng, đặc biệt sử dụng mạng xã hội để dụ dỗ hoặc dẫn dắt người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm xâm phạm đến trật tự công cộng mà theo quy định phải bị xử lý hình sự. – <i>Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi mua bán người, buôn bán hàng giả, hàng cấm.</i> – <i>Lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân:</i> Đây là hành vi phạm tội mà người phạm tội đã có hành vi lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, người phạm tội đưa thông tin, tài liệu, hình ảnh, đoạn phim lên không gian mạng, các trang mạng xã hội khi chưa được sự đồng ý, cho phép của các tổ chức, cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	– <i>Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:</i> Đây là hành vi phạm tội mà người phạm tội đã có hành vi trực tiếp làm, tàng trữ hoặc bị lôi kéo để cùng phát tán, tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân, bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, gây chiến tranh tâm lí.

3. Quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao

a) Mục tiêu

HS nắm được quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nêu được quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết một số hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và bị nghiêm cấm thực hiện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và ghi một số hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và bị nghiêm cấm thực hiện. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một số HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và kết luận. Bước 4. Kết luận, nhận định	– Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tại Chương XXI (Chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng) đã dành một mục (mục 2) để quy định về các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Mục này gồm 9 tội (từ Điều 285 đến Điều 294, trừ Điều 292 đã bị bãi bỏ theo khoản 141, Điều 1 Luật số 12/2017/QH14 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13) ngày 20/6/2017 của Quốc hội khoá XIV. – Một số hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và bị nghiêm cấm thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV nhận xét và thống nhất về ghi một số hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và bị nghiêm cấm thực hiện.	+ Sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng, cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật. + Phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử. + Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử. + Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông. + Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác. + Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. + Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. + Sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.

III. PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Khái niệm tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu

HS nắm được khái niệm tệ nạn xã hội và các biểu hiện của tệ nạn xã hội.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nắm được khái niệm tệ nạn xã hội và các biểu hiện của tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin và cho biết: Tệ	– Khái niệm tệ nạn xã hội:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
nạn xã hội là gì? Tệ nạn xã hội được biểu hiện qua những hình thức nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, thảo luận nhóm làm rõ khái niệm tệ nạn xã hội. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm tệ nạn xã hội.	Là hiện tượng xã hội tiêu cực, biểu hiện bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội. – Tệ nạn xã hội có thể được biểu hiện qua: Các hành vi sai trái là thói hư tật xấu như cờ bạc, nghiện hút, mại dâm,...; Các phong tục tập quán cổ hủ, lạc hậu; Mê tín dị đoan, bói toán; Lối sống trụy lạc, sa đọa, suy đồi đạo đức.

2. Một số loại tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu

HS nắm được một số loại tệ nạn xã hội.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được một số loại tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi: – Nêu được một số loại tệ nạn xã hội. – Tệ nạn xã hội có thể được thực hiện và lan truyền trên mạng xã hội hay không? Vì sao?	– Một số loại tệ nạn xã hội: + Tệ nạn ma túy là tình trạng một (hoặc nhiều) người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. + Tệ nạn mại dâm bao gồm những hành vi nhằm thực hiện các dịch vụ quan hệ tình dục có tính chất mua bán trên cơ sở một giá trị vật chất nhất định ngoài phạm vi hôn nhân. Một số hành vi liên quan đến tệ nạn mại dâm như bán dâm, mua dâm, chứa

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
– Khi nào hành vi tham gia tệ nạn xã hội bị xử lý vi phạm pháp luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất nội dung.	mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,... + Tệ nạn cờ bạc bao gồm các hành vi lợi dụng các hình thức vui chơi, giải trí để cá cược, sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Tệ nạn cờ bạc thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,... + Tệ nạn mê tín dị đoan bao gồm các hành vi biểu hiện thái quá lòng tin mù quáng vào những điều huyền bí, không có thật, từ đó có những suy đoán khác thường, dẫn đến cách ứng xử mang tính chất cuồng tín, hành động trái với những chuẩn mực của xã hội, không phù hợp với quy luật tự nhiên. Một số hành vi mê tín dị đoan như bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,... – Có thể lợi dụng mạng xã hội để lôi kéo, tuyên truyền, thực hiện tệ nạn xã hội trên mạng xã hội. Vì theo quy định tại khoản 22, Điều 3, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng: Mạng xã hội là hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn, trò chuyện trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác. Bên cạnh đó, thông tin được đăng tải trên mạng xã hội rất khó được kiểm định và có tính ẩn danh cao, nên nhiều người có thể lợi dụng để lôi kéo, tạo môi trường hoặc kênh liên lạc để thực hiện hành vi tệ nạn xã hội như đánh bạc qua mạng, mê tín dị đoan,...

3. Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu

HS nắm được quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi: – Nêu một số quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. – Một người sử dụng điện thoại di động tham gia trò chơi trên mạng có vi phạm pháp luật không? – Một người đăng tải các thông tin lên mạng xã hội có nội dung làm nhục, vu khống, nội dung sai sự thật gây hoang mang cho người khác,... có vi phạm pháp luật không? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất nội dung.	– Một số quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội: + Đối với tệ nạn mại dâm: nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,... và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động mại dâm. + Đối với tệ nạn cờ bạc: Nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Đánh bạc trái phép (mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,..), tổ chức đánh bạc, gá bạc,.. và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tệ nạn cờ bạc. + Đối với tệ nạn mê tín dị đoan: Pháp luật nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Hoạt động mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi như bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn,...); hành nghề mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn,...). – Để xác định một người sử dụng điện thoại di động tham gia trò chơi trên mạng có vi phạm pháp luật không cần căn cứ vào hành vi của người đó tham gia trò chơi nào trên mạng, nếu trò chơi trên mạng có hành vi thua, thắng bằng tiền hoặc hiện vật thì xác định hành vi vi phạm pháp luật, nếu đủ 5 triệu thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	– Để xác định một người đăng tải các thông tin lên mạng xã hội có nội dung làm nhục, vu khống, nội dung sai sự thật gây hoang mang cho người khác,... có vi phạm pháp luật không căn cứ vào hành vi cụ thể có thể xử phạt hành vi đăng tải các thông tin lên mạng xã hội có nội dung làm nhục, vu khống, nội dung sai sự thật gây hoang mang cho người khác,... theo Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 3/2/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử hoặc có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội làm nhục người khác theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

IV. TRÁCH NHIỆM TRONG PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM, TỆ NẠN XÃ HỘI VÀ TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO Ở VIỆT NAM

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm của công dân và học sinh trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi về trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện trách nhiệm của công dân và học sinh trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện trách nhiệm của công dân và học sinh trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
1. Trách nhiệm của công dân	
<i>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</i>	– Trách nhiệm của công dân: Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của công dân trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi làm rõ trách nhiệm của công dân trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung về trách nhiệm của công dân trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của công dân trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.	an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt cộng đồng. Trong đó, có các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.
2. Trách nhiệm của học sinh	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của HS trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao	– Trách nhiệm của học sinh. Học sinh cần chấp hành nghiêm trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao. Ngoài ra, học sinh cần học tập và thực hiện nghiêm một số quy định sau:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi làm rõ trách nhiệm của HS trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung về trách nhiệm của HS trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của HS trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.	+ Không tham gia các tệ nạn xã hội và hoạt động phạm tội sử dụng công nghệ cao dưới bất kì hình thức nào ở nơi sống, học tập và rèn luyện trên không gian mạng. + Không tham gia chia sẻ những thông tin trên không gian mạng khi chưa được kiểm chứng. + Thường xuyên học tập, nâng cao nhận thức về phòng chống các loại tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung và tội phạm sử dụng công nghệ cao nói riêng do nhà trường và các cơ quan, lực lượng chức năng tổ chức. + Thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội theo hướng dẫn của nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước. + Tham gia tuyên truyền phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.

b) Nội dung

HS trình bày quan điểm của mình về những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

1. Các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao như:

– Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy; sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua

bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy,...

– Bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,...

– Đánh bạc trái phép (mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,...), tổ chức đánh bạc, gá bạc,...

– Bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma.

2. Các hình thức xử lý như kỉ luật, cảnh cáo, phạt tiền, cảnh cáo; cải tạo không giam giữ; quản chế, tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình,...

3. – Không tham gia các tệ nạn xã hội và hoạt động phạm tội sử dụng công nghệ cao dưới bất kì hình thức nào ở nơi sống, học tập và trên không gian mạng.

– Không tham gia chia sẻ những thông tin trên không gian mạng khi chưa được kiểm chứng.

– Thường xuyên học tập, nâng cao nhận thức về phòng chống các loại tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung và tội phạm sử dụng công nghệ cao nói riêng do nhà trường và các cơ quan, lực lượng chức năng tổ chức.

– Thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội theo hướng dẫn của nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS xác định các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tội phạm có sử dụng công nghệ cao.

2. GV hướng dẫn HS tìm kiếm các thông tin về hành vi vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao tại các văn bản pháp luật tương ứng (Luật Xử lý vi phạm hành chính; Pháp lệnh phòng chống mại dâm; Bộ luật Hình sự; Luật An ninh mạng; Nghị định số 38/2021/NĐ-Cp ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực văn hoá và quảng cáo...). Cụ thể:

3. GV hướng dẫn HS ghi nhớ và xác định rõ trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống tệ nạn xã hội và tội phạm có sử dụng công nghệ cao, đặc biệt trong trường học và nơi sinh sống.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

Đặt HS vào tình huống cụ thể, vận dụng kiến thức và xây dựng kĩ năng, nhằm phòng tránh tình huống thực tế, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả xảy ra.

b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu trong phần vận dụng.

c) Sản phẩm

1. Em phát hiện dấu hiệu tuyên truyền văn hoá phẩm đồi trụy khi tham gia vào các nhóm trên mạng xã hội: Cần nhận thức rõ tác hại và hậu quả của việc tuyên truyền văn hoá phẩm đồi trụy; Không tiếp tục tham gia vào các hội nhóm đó, không chia sẻ thông tin về hội nhóm này đối với người khác; Thông báo việc phát hiện các dấu hiệu này cho những người mà em tin tưởng (thầy cô, bố mẹ) hoặc các cơ quan chức năng (nếu có thể).

2. Khi em bị người khác lôi kéo tham gia tệ nạn cờ bạc, ma túy: Từ chối, bỏ đi một cách khéo léo và dứt khoát. (Các đối tượng thường chỉ thành công đối với những người được rủ rê yếu đuối hoặc sợ hãi); Thông báo việc này cho người mà em tin tưởng (thầy cô, bố mẹ) hoặc các cơ quan chức năng (nếu có thể) để ngăn chặn hành vi lôi kéo người khác tham gia vào hoạt động tệ nạn cờ bạc, ma túy; Nếu có điều kiện, có thể nêu rõ hậu quả và hình phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với việc tham gia tệ nạn cờ bạc, ma túy để những người đã tham gia biết và dừng lại, không tiếp tục tham gia.

d) Tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm thảo luận, xử lý các tình huống khác nhau. Bên cạnh đó, GV có thể kết hợp hình thức sân khấu hoá, tổ chức lớp học ở ngoài sân trường hoặc có thể đề xuất ở phạm vi ngoài trường học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được nội dung cơ bản, ý nghĩa của môi trường trong pháp luật bảo vệ môi trường; an ninh môi trường (đất, nước, không khí,...), vấn đề biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do,...

2. Về năng lực

Nêu được khái niệm môi trường, vai trò môi trường, các trạng thái môi trường, an ninh môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu; khái niệm bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ môi trường; một số hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, một số biện pháp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

3. Về phẩm chất

Có ý thức, biết thực hiện các việc làm để bảo vệ môi trường; Biết cách tuyên truyền, phối hợp ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); Giấy A0, A4.

Tranh, ảnh, clip, video về vấn đề môi trường; hệ thống câu hỏi, đáp án trắc nghiệm về môi trường và các quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS và hướng HS tìm hiểu nội dung cơ bản của bài học.

b) Nội dung

GV nêu câu hỏi, HS sử dụng những kiến thức đã biết trả lời.

c) Sản phẩm

Hình 4.1a thể hiện hành động vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường (**vứt rác không đúng quy định**), hình 4.1b thể hiện hành động góp phần bảo vệ môi trường (**trồng cây để bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu**).

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi về một số hoạt động mà HS đã từng tham gia có liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường; yêu cầu HS quan sát hình 4.1 và cho biết: Hành động nào góp phần bảo vệ môi trường, hành động nào vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường?

GV yêu cầu một số HS trả lời, sau đó dẫn **đất** vào bài học.

Hoạt động 2. Khám phá

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu

* Môi trường và các trạng thái môi trường.

a) Mục tiêu

HS hiểu được khái niệm và vai trò của môi trường, các trạng thái môi trường, nguyên nhân cơ bản dẫn đến các vấn đề ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và sự cố môi trường.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nắm được khái niệm môi trường, vai trò môi trường, các trạng thái môi trường.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi: – Môi trường là gì? Môi trường bao gồm những thành phần nào? Nêu vai trò của môi trường đối với con người? – Nêu một số trạng thái môi trường và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. – Cho biết các hiện tượng ô nhiễm môi trường trong hình 4.2. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận về khái niệm, thành phần, vai trò của môi trường, các	– Khái niệm môi trường: Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên. – Khái niệm thành phần môi trường: Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác. – Vai trò môi trường: Môi trường có vai trò rất quan trọng đối với con người, sinh vật sống trên Trái Đất như cung cấp không gian sống; cung cấp nguồn tài nguyên để con người lao động, sản xuất; là nơi chứa đựng và phân huỷ chất thải, đồng thời lưu giữ lịch sử tiến hoá của con người và sinh vật. – Các trạng thái môi trường:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
trạng thái và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung về khái niệm, thành phần, vai trò của môi trường, các trạng thái và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm, thành phần, vai trò của môi trường, các trạng thái và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.	+ Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn, kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên. Các loại ô nhiễm môi trường bao gồm ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm môi trường không khí,... + Suy thoái môi trường là sự suy giảm về số lượng, chất lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên. Các vấn đề suy thoái môi trường hiện nay như suy thoái rừng, suy thoái đất, suy giảm đa dạng sinh học,... + Sự cố môi trường là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc do biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng. – Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường: do các nguyên nhân tự nhiên (bão, lũ lụt, hạn hán, núi lửa phun trào,...) nhưng chủ yếu là do các hoạt động của con người gây ra có tác động tiêu cực đến môi trường từ quá trình sinh hoạt; sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hàng hoá; khai thác tài nguyên, môi trường quá mức,... – Hình 4.2a là hiện tượng ô nhiễm không khí; Hình 4.2b là hiện tượng ô nhiễm nước; Hình 4.2c là hiện tượng ô nhiễm đất.

*** An ninh môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu.**

a) Mục tiêu

HS hiểu được khái niệm an ninh môi trường và nêu được các vấn đề môi trường toàn cầu.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, quan sát hình, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nắm được khái niệm an ninh môi trường và nêu được các vấn đề môi trường toàn cầu.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi: – An ninh môi trường là gì? – Thế nào là biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do. – Quan sát hình 4.3, em có nhận xét gì về thực trạng các vấn đề môi trường toàn cầu hiện nay? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận về khái niệm an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung về khái niệm an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do.	– Khái niệm an ninh môi trường: An ninh môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên, nhân tạo cấu thành nên môi trường được cân bằng để đảm bảo điều kiện sống và phát triển của con người cùng các loài sinh vật trong hệ thống đó. Các vấn đề an ninh môi trường hiện nay đang được quan tâm là đảm bảo an ninh nguồn nước, chất lượng không khí, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học,... – Các vấn đề môi trường toàn cầu: + Biến đổi khí hậu: Là sự thay đổi các thành phần của khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa,...) so với trung bình hoặc dao động của khí hậu được duy trì trong một thời gian dài, thường là vài thập kỉ hoặc dài hơn. Các biểu hiện của biến đổi khí hậu là nhiệt độ trung bình trên Trái Đất tăng, hiện tượng băng tan, nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán,... + An ninh lương thực: Là việc con người có quyền tiếp cận thực phẩm một cách an toàn, đầy đủ ở mọi nơi để duy trì cuộc sống. Các vấn đề môi trường như suy thoái đất, ô nhiễm nguồn nước, không khí,... đang tác động tiêu cực đến an ninh lương thực ở mỗi quốc gia. Do đó, việc đảm bảo an ninh lương thực đang là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu mà mọi quốc gia trên thế giới đều rất quan tâm. + Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội. Các thiệt hại do thiên tai gây ra như làm ô nhiễm, suy thoái môi trường; phá huỷ các công trình xây dựng như nhà ở, hệ thống cầu đường, thủy lợi,... và ảnh hưởng đến an ninh môi trường. + Dịch bệnh là sự lây lan nhanh chóng của một bệnh truyền nhiễm với số lượng lớn những người bị nhiễm trong một cộng đồng, một khu vực hoặc toàn thế giới trong một khoảng thời gian nhất định, thường từ hai tuần trở lên. Hiện nay có nhiều loại dịch bệnh (bệnh truyền nhiễm) đã được công bố rộng rãi trên thế giới

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	cũng như ở các quốc gia, khu vực khác nhau như cúm mùa, đậu mùa, dịch tả,... Các loại dịch bệnh được công bố đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vấn đề như ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường,... + Di cư tự do là hiện tượng con người rời bỏ nơi cư trú của mình đến một khu vực, địa điểm khác để sinh sống. Việc di cư tự do có thể xuất phát từ các yếu tố về tập quán du canh, du cư, chiến tranh xung đột, đói nghèo,... Hiện nay vấn đề di cư tự do còn có nguyên nhân từ những biến đổi về môi trường như các vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng, các thiên tai như hạn hán, lũ lụt,... làm cho điều kiện sống của con người ở khu vực đó không đảm bảo và phải di chuyển đến khu vực, địa điểm khác để sinh sống. – Thực trạng các vấn đề môi trường toàn cầu hiện nay: Môi trường toàn cầu đang bị ô nhiễm, suy thoái ngày càng nghiêm trọng mà nguyên nhân chủ yếu là do con người gây ra. Các vấn đề về biến đổi khí hậu (như nhiệt độ Trái Đất tăng nhanh, băng tan ở hai cực, nước biển dâng,...), thiên tai, dịch bệnh, hạn hán, lũ lụt,... đã, đang và sẽ tác động tiêu cực đến con người, sinh vật và tác động đến đảm bảo an ninh môi trường trên thế giới. Do vậy, cần phải có biện pháp cấp bách để bảo vệ môi trường, từ những hoạt động nhỏ nhất, đây là trách nhiệm của mỗi chúng ta để bảo vệ môi trường Trái Đất.

2. Bảo vệ môi trường

* Khái niệm

a) Mục tiêu

HS biết được khái niệm bảo vệ môi trường.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK.

c) Sản phẩm

HS nắm được khái niệm bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và cho biết thế nào là bảo vệ môi trường? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin trong SGK. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một số HS nêu khái niệm bảo vệ môi trường, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, thống nhất về khái niệm bảo vệ môi trường.	Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

*** Các hoạt động bảo vệ môi trường**

a) Mục tiêu

HS nắm được các hoạt động bảo vệ môi trường cụ thể như bảo vệ môi trường đất, bảo vệ môi trường nước, bảo vệ môi trường không khí, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên,... và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư trong các hoạt động bảo vệ môi trường **đỏ**.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, hoạt động nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được các hoạt động bảo vệ môi trường cụ thể như bảo vệ môi trường đất, bảo vệ môi trường nước, bảo vệ môi trường không khí, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên,... và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư trong các hoạt động bảo vệ môi trường **đỏ**.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và cho biết các hoạt	– Bảo vệ môi trường đất. Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch dự án và các hoạt động khác có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
động bảo vệ môi trường và trách nhiệm trong bảo vệ môi trường. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và trao đổi nhóm về các hoạt động bảo vệ môi trường và trách nhiệm trong bảo vệ môi trường. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về các hoạt động bảo vệ môi trường và trách nhiệm trong bảo vệ môi trường.	trường đất, có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ môi trường đất. Trách nhiệm bảo vệ môi trường đất thuộc về các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân sử dụng đất; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất đối với khu vực bị ô nhiễm môi trường đất do mình gây ra. – Bảo vệ môi trường nước (nước mặt, nước ngầm, nước biển). Để bảo vệ môi trường nước cần kiểm soát các nguồn chất thải vào môi trường nước; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường nước bị ô nhiễm; có biện pháp ngăn ngừa, kiểm tra, xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường nước; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn nước nhất là nước mặt và nước ngầm,... Trách nhiệm bảo vệ môi trường nước thuộc về cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân. – Bảo vệ môi trường không khí. Tiến hành quan trắc, giám sát thường xuyên, liên tục và công bố chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật; tình trạng ô nhiễm môi trường không khí phải được thông báo và cảnh báo kịp thời, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ có phát thải bụi, khí thải tác động xấu đến môi trường phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật. – Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên là một nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Trách nhiệm bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên thuộc về cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

II. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu

HS nắm được các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường, hình thức xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường, hình thức xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi: – Nêu các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường. Nếu vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường sẽ bị xử lý như thế nào? – Nêu một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm về các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về các hành vi bị nghiêm cấm	– Một số hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường. + Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. + Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường. + Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, virus độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên. + Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí. + Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan. + Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường. + Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
trong bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.	vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường. + Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên. + Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường. – Xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường + Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. + Xử lý hình sự đối với tội phạm về môi trường được quy định trong Bộ luật Hình sự. + Xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. – Một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường + Thực hiện tốt các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường. + Không thực hiện hoặc tham gia thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. + Tích cực tham gia phòng, chống các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu

HS biết được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ môi trường và hiểu được trách nhiệm của bản thân trong bảo vệ môi trường.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi về trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện trách nhiệm của công dân trong bảo vệ môi trường

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện trách nhiệm của công dân và học sinh trong bảo vệ môi trường (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
1. Trách nhiệm của công dân	

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của công dân trong bảo vệ môi trường. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi, làm rõ trách nhiệm của công dân trong bảo vệ môi trường. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về trách nhiệm của công dân trong bảo vệ môi trường. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của công dân trong bảo vệ môi trường.	– Trách nhiệm của công dân: Bảo vệ môi trường Trái Đất là trách nhiệm của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức và mọi công dân sống trên Trái Đất mà không phân biệt chế độ chính trị, tôn giáo, dân tộc hay vị trí địa lí. Theo đó, công dân có trách nhiệm: + Thực hiện đúng các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường; chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai, dịch bệnh; tham gia các hoạt động thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu. + Chủ động phát hiện, tố giác các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp cung cấp các thông tin cho cơ quan chức năng trong việc phát hiện, ngăn chặn điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. + Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Trách nhiệm của học sinh	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của HS trong bảo vệ môi trường. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi làm rõ trách nhiệm của HS trong bảo vệ môi trường. Bước 3. Báo cáo, thảo luận	– Trách nhiệm của học sinh. + Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường. + Tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường do nhà trường, nơi cư trú (Khu dân cư, tổ dân phố,...) hoặc các tổ chức đoàn thể khác phát động. + Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, tích cực tuyên truyền, vận động người thân, gia đình và cộng đồng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. + Phản ánh, thông tin với thầy, cô giáo, nhà trường và cơ quan chức năng biết các hành vi vi phạm pháp luật

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung về trách nhiệm của HS trong bảo vệ môi trường. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của HS trong bảo vệ môi trường.	bảo vệ môi trường để có biện pháp phòng, chống phù hợp.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS luyện tập, củng cố các kiến thức đã học về một số vấn đề vi phạm pháp luật môi trường.

b) Nội dung

HS trình bày quan điểm của mình về những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

1. – GV hướng dẫn HS nghiên cứu trong SGK, tìm hiểu trên mạng internet, thư viện của nhà trường,... các tài liệu nói về biến đổi khí hậu toàn cầu và ở Việt Nam.

– Các biểu hiện biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay: Nhiệt độ tăng, mùa hè nắng nóng kéo dài, mùa đông xuất hiện ngắn nhưng lại rét đậm, rét hại, sương mù kèm theo mưa đá, băng tuyết xuất hiện nhiều; nước biển dâng, xâm nhập mặn ngày càng lớn; tần suất xuất hiện các cơn bão, siêu bão trái quy luật ngày càng nhiều; mưa lũ, lũ quét xảy ra phổ biến,...

2. Các loại chất thải phát sinh từ sinh hoạt của con người như rác thải (bao gồm thức ăn thừa, túi ni-long, các đồ dùng hết hạn sử dụng như dép, giày, quần áo cũ,...); nước thải từ các hoạt động vệ sinh cá nhân; các hoạt động giặt quần áo, rửa chén bát, lau sàn nhà,... có sử dụng hoá chất tẩy rửa; các hoạt động nấu, nướng đều phát sinh chất thải,...

Biện pháp thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt (rác thải sinh hoạt) đối với học sinh: phân loại tại nguồn phát sinh các loại chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ và để đúng nơi quy định (thùng rác, phòng thu gom rác hoặc địa điểm tập kết rác),...

3. Nguyên nhân của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường gồm nhiều nguyên nhân như ý thức của người dân, tổ chức, doanh nghiệp,... trong các hoạt động bảo vệ môi trường chưa cao, coi đó là trách nhiệm của cơ quan chức năng, của xã hội; hệ thống các văn bản về chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện hoặc thiếu đồng bộ, hình thức xử lý

chưa nghiêm khắc; vì lợi ích của bản thân hoặc của doanh nghiệp biết mình có vi phạm nhưng vẫn cố tình thực hiện,...

Nguyên nhân chủ yếu là do con người (không biết do thiếu hiểu biết hoặc nhận thức được hành vi của mình là vi phạm nhưng vẫn cố tình thực hiện, vì như thế họ có thể đạt được lợi ích về kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS cách nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu và yêu cầu học sinh liệt kê các biểu hiện biến đổi khí hậu của Việt Nam hiện nay.

2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu các loại chất thải phát sinh từ sinh hoạt của con người và các biện pháp thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt (rác thải sinh hoạt).

3. GV gợi ý HS viết ra giấy các nội dung: nguyên nhân của vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay, nguyên nhân nào là chủ yếu? Vì sao?

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu trong phần vận dụng.

c) Sản phẩm

1. GV gợi ý cho HS sưu tầm hình ảnh hoặc xây dựng một video, clip nói lên thực trạng các vấn đề môi trường ở Việt Nam (hoặc của địa phương sinh sống) như ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường rừng, thực trạng về rác thải nhựa,... Từ đó, HS xây dựng ý tưởng để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp.

2. GV yêu cầu các nhóm (đã phân nhóm từ trước) lựa chọn một chủ đề về bảo vệ môi trường và xây dựng ý tưởng tuyên truyền đó để bảo vệ môi trường. Ý tưởng tuyên truyền có thể được thực hiện thông qua hình ảnh hoặc xây dựng các video, clip ngắn, có đại diện nhóm thuyết trình ý tưởng của nhóm mình và có nhận xét, đánh giá của GV.

d) Tổ chức thực hiện

GV giao bài tập về nhà cho HS, yêu cầu HS thực hiện trong thời gian quy định, có kiểm tra, chấm điểm.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 5: KIẾN THỨC PHỔ THÔNG VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá một số vấn đề chung về phòng không nhân dân; mục tiêu, thủ đoạn tiến công đường không của địch; hoạt động phòng không nhân dân thời bình và thời chiến.

2. Về năng lực

Nêu được một số khái niệm; vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân; tổ chức lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân; hoạt động phòng không nhân dân thời bình và thời chiến; mục tiêu, thủ đoạn tiến công đường không của địch.

Biết cách phòng, tránh khi bị kẻ thù tiến công bằng đường không.

3. Về phẩm chất

Có ý thức giữ gìn, bảo quản tốt công trình phòng không nhân dân; tích cực tham gia tuyên truyền, giáo dục và huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân theo sự hướng dẫn của nhà trường và địa phương; trân trọng và học tập những tấm gương bắn rơi máy bay địch trong chiến tranh giải phóng.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4 (phiếu học tập).

Tranh, ảnh theo hình 5.1 – 5.7 trong SGK; Nghị định 74 của Chính phủ ngày 09 tháng 9 năm 2015 về phòng không nhân dân; các video, tài liệu khác có liên quan về phòng không nhân dân.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

HS hứng thú và sẵn sàng tìm hiểu kiến thức về phòng không nhân dân ở bài học mới.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 5.1 trong SGK (hoặc xem video do GV chiếu trên slide) để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm

Người dân sẽ nhanh chóng vào hầm trú ẩn để tránh bị sát thương do máy bay B-52 của địch đánh phá.

d) Tổ chức thực hiện

– GV dẫn dắt: Tháng 12/1972 Mỹ sử dụng máy bay B-52 đánh phá mãnh liệt vào Hà Nội. Khi đó, người dân thường nghe thấy trên loa truyền thanh phát ra thông báo: “Máy bay địch cách Hà Nội 70 km, đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội 50 km” và đặt câu hỏi: Theo em, khi nghe thông báo như vậy, người dân sẽ làm gì?

– GV gọi HS trả lời và từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Lưu ý: GV có thể sử dụng video về phòng tránh địch ném bom trong chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 để chiếu, yêu cầu HS quan sát và tiến hành hoạt động khởi động.

Hoạt động 2. Khám phá

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Một số khái niệm

a) Mục tiêu

HS hiểu được thế nào là phòng không nhân dân, thế trận phòng không nhân dân và địa bàn phòng không nhân dân.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS hiểu được thế nào là phòng không nhân dân, thế trận phòng không nhân dân, địa bàn phòng không nhân dân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về khái niệm phòng không nhân dân, thế trận phòng không nhân dân, địa bàn phòng không nhân dân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm phòng không nhân dân, thế trận phòng không nhân dân, địa bàn phòng không nhân dân.	– Phòng không nhân dân: Là tổng thể các hoạt động và biện pháp phòng không để bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm bớt thiệt hại cho nền kinh tế quốc dân, góp phần bảo tồn tiềm lực chiến tranh. – Thế trận phòng không nhân dân: Là tổng thể các yếu tố, các lợi thế về địa hình, lực lượng, bố trí trang thiết bị phòng không để tiến hành các hoạt động tác chiến phòng không, phù hợp với kế hoạch tác chiến của khu vực phòng thủ. – Địa bàn phòng không nhân dân: Địa bàn phòng không nhân dân được xác định là các huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh hoặc những vị trí trọng yếu nằm trong hệ thống phòng thủ của cấp tỉnh và quân khu.

2. Vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân

a) Mục tiêu

HS nắm được vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nắm được vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của phòng không nhân dân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về vị trí, chức năng; nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, thống nhất về vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân.	– Vị trí, chức năng: Phòng không nhân dân là một nội dung quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, hoạt động trong khu vực phòng thủ, là một bộ phận của thể trận quốc phòng toàn dân trên mặt trận đối không nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh trả và khắc phục hậu quả các hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. – Nguyên tắc tổ chức và hoạt động: + Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, được tổ chức, điều hành tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng. + Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân do hệ thống chính trị, toàn dân và lực lượng vũ trang thực hiện, trong đó bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt. + Công tác phòng không nhân dân được chuẩn bị từ thời bình và triển khai thực hiện khi có biểu hiện, hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch.

3. Tổ chức lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân

a) Mục tiêu

HS biết được tổ chức lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, ghi tên các lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân vào phiếu học tập.

c) Sản phẩm

HS nêu được các lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân (ở cột yêu cầu cần đạt)

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt															
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và nêu những lực lượng chuyên môn của phòng không nhân dân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và ghi vào phiếu học tập lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một số HS trình bày các lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân.	– Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân gồm: <table border="1"> <tr> <td>Lớp:</td><td rowspan="2">PHIẾU HỌC TẬP</td></tr> <tr> <td>Họ và tên:.....</td></tr> <tr> <td>TT</td><td>Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân</td></tr> <tr> <td>1</td><td>Lực lượng trinh sát, quan sát, thông báo, báo động phòng không.</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Lực lượng nguy trang, sơ tán, phòng tránh</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Lực lượng đánh địch xâm nhập, tiến công đường không.</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Lực lượng phục vụ chiến đấu, bảo đảm phòng không nhân dân.</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Lực lượng khắc phục hậu quả, cứu hoả, cứu thương, cứu sập.</td></tr> </table>	Lớp:	PHIẾU HỌC TẬP	Họ và tên:.....	TT	Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân	1	Lực lượng trinh sát, quan sát, thông báo, báo động phòng không.	2	Lực lượng nguy trang, sơ tán, phòng tránh	3	Lực lượng đánh địch xâm nhập, tiến công đường không.	4	Lực lượng phục vụ chiến đấu, bảo đảm phòng không nhân dân.	5	Lực lượng khắc phục hậu quả, cứu hoả, cứu thương, cứu sập.
Lớp:	PHIẾU HỌC TẬP															
Họ và tên:.....																
TT	Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân															
1	Lực lượng trinh sát, quan sát, thông báo, báo động phòng không.															
2	Lực lượng nguy trang, sơ tán, phòng tránh															
3	Lực lượng đánh địch xâm nhập, tiến công đường không.															
4	Lực lượng phục vụ chiến đấu, bảo đảm phòng không nhân dân.															
5	Lực lượng khắc phục hậu quả, cứu hoả, cứu thương, cứu sập.															

II. MỤC TIÊU, THỦ ĐOẠN TIẾN CÔNG ĐƯỜNG KHÔNG CỦA ĐỊCH

a) Mục tiêu

HS nắm được mục tiêu, thủ đoạn tiến công đường không của địch.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được mục tiêu, thủ đoạn tiến công đường không của địch (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	– Mục tiêu đánh phá đường không của địch:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt	
GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: Địch thường tập trung đánh phá đường không vào những mục tiêu nào? Thủ đoạn ra sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và ghi vào phiếu học tập mục tiêu đánh phá đường không của địch; thảo luận nhóm, làm rõ thủ đoạn đánh phá bằng đường không của địch. Bước 3. Báo cáo, thảo luận – HS trình bày mục tiêu đánh phá đường không của địch theo phiếu học tập. – Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận về thủ đoạn đánh phá bằng đường không của địch, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về mục tiêu, thủ đoạn đánh phá bằng đường không của địch.	Lớp:	PHIẾU HỌC TẬP
	Họ và tên:.....	
	TT	Mục tiêu đánh phá đường không của địch
	1	Trụ sở các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ.
	2	Bộ chỉ huy tác chiến chiến lược, chiến dịch.
	3	Đài phát thanh, truyền hình, trung tâm thông tin viễn thông.
	4	Khu công nghiệp quốc phòng và công nghiệp lớn, các nhà máy, đầu mối giao thông, sân bay, bến cảng, kho tàng, cơ sở hậu cần, kỹ thuật.
	5	Lực lượng phòng không, không quân, hải quân, các khu vực tập trung quân và binh khí, trang bị của ta.
	– Thủ đoạn tiến công đường không của địch: + Tăng cường hoạt động tình báo, trinh sát; bí mật, bất ngờ thời điểm mở đầu tiến công. + Tiến công từ nhiều hướng, tiến hành đánh phá đồng loạt, liên tục, ác liệt cả ngày và đêm, tập trung lực lượng, phương tiện vào các chiến dịch tiến công hoá lực đường không. + Giành và giữ quyền làm chủ trên không, trên biển; tiêu diệt, phá huỷ tiềm lực quốc phòng của ta. + Phối hợp với chiến tranh tâm lý và các hoạt động khác.	

III. HOẠT ĐỘNG PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Hoạt động phòng không nhân dân thời bình

a) Mục tiêu

HS nắm được nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời bình.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 5.2 – 5.4 trong SGK và thảo luận nhóm để làm rõ nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời bình.

c) Sản phẩm

HS nắm được nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời bình (ở cột yêu cầu cần đạt)

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 5.2 – 5.4 trong SGK để làm rõ nội dung hoạt động của phòng không nhân dân thời bình. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh 5.2 – 5.4; thảo luận nhóm làm rõ nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời bình. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận về nội dung hoạt động phòng không nhân dân; các nhóm khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời bình.	– Thành lập ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch, đề án, dự án phòng không nhân dân. + Ban chỉ đạo phòng không nhân dân được tổ chức thành lập ở bốn cấp: cấp Trung ương; cấp quân khu; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh); huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) thuộc địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân. + Kế hoạch phòng không nhân dân được xây dựng từ thời bình ở cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và kịp thời điều chỉnh, bổ sung khi tình hình thay đổi. + Xây dựng quy hoạch các đề án, dự án đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về phòng không nhân dân và phòng thủ dân sự. – Tuyên truyền, giáo dục về phòng không nhân dân. Tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng không nhân dân cho tất cả các đối tượng, tầng lớp nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên trong các nhà trường. Tập trung vào các nội dung: Thủ đoạn đánh phá và phương tiện tiến công đường không của địch; tín hiệu thông báo, báo động phòng không nhân dân; quy cách hầm, hố cho cá nhân và tập thể; biện pháp nguy trang, phòng tránh, sơ tán; phương pháp xử trí tình huống cứu thương, cứu sập, chữa cháy và phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn. – Tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân. + Tổ chức huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cho các lực lượng tham gia công tác phòng không nhân dân, được tiến hành cả ban ngày và ban

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	đêm, chú trọng huấn luyện đêm. Nội dung huấn luyện tập trung vào tính năng, kĩ, chiến thuật của các loại vũ khí, phương tiện tiến công đường không của kẻ thù; phương pháp, cách thức xây dựng hệ thống hầm, hào, công trình phòng tránh, sơ tán; biện pháp chống trinh sát, tác chiến điện tử của kẻ thù, cách đánh máy bay bay thấp, tên lửa hành trình, đánh máy bay trực thăng đổ bộ đường không, đánh máy bay đến cứu giặc lái; các biện pháp, phương pháp khắc phục hậu quả, khôi phục sức chiến đấu. + Tổ chức diễn tập phòng không nhân dân có thể theo hình thức diễn tập phòng không nhân dân hoặc diễn tập phòng không nhân dân kết hợp với diễn tập khu vực phòng thủ của các địa phương. Nội dung diễn tập phòng không nhân dân gồm diễn tập chỉ huy – tham mưu các cấp; tổ chức trinh sát, thông báo, báo động phòng không; tổ chức nguy trang, sơ tán, phân tán, phòng tránh; tổ chức đánh trả địch xâm nhập tiến công đường không; tổ chức khắc phục hậu quả. – Xây dựng công trình phòng không nhân dân. + Xây dựng hệ thống các đài quan sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân, nhằm sẵn sàng phát hiện máy bay địch từ xa; kịp thời thông báo phòng không nhân dân trong khu vực bằng hệ thống loa, còi, kêng,... + Xây dựng công trình phòng tránh, trú ẩn (hầm, hào, công sự phòng tránh,...) cho tập thể, cá nhân tại nhà, nơi làm việc, nơi công cộng, trên đường đi,... Chú trọng những nơi tập trung, sinh hoạt đông người như trường học, bệnh viện, chợ, nhà ga, sân bay, bến cảng. Vận dụng sáng tạo nhiều biện pháp phòng tránh như mũ rơm, áo rơm; sử dụng các vật liệu tre, nứa để che, đậy, bảo vệ vũ khí, phương tiện sản xuất,... + Xây dựng vị trí sơ tán, phân tán; công trình nguy trang, nghi binh nhằm bảo đảm bí mật, phòng, tránh sự đánh phá của địch.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	+ Xây dựng hệ thống các trận địa phòng không đánh địch tiến công hỏa lực đường không, có trận địa chính thức và trận địa dự bị.

2. Hoạt động phòng không nhân dân thời chiến

a) Mục tiêu

HS nắm được nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 5.5 – 5.7 trong SGK và thảo luận nhóm để làm rõ nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến.

c) Sản phẩm

HS nắm được nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến (ở cột yêu cầu cần đạt)

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 5.5 – 5.7 trong SGK để làm rõ nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh 5.5 – 5.7; thảo luận nhóm làm rõ nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận về nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến; các nhóm khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định	– Tổ chức trinh sát, quan sát và thông báo, báo động phòng không nhân dân. + Các vọng quan sát phòng không (trên đỉnh núi, nhà cao tầng,...) thường xuyên quan sát, nhằm phát hiện địch tiến công từ sớm, từ xa; kịp thời thông báo, báo động về hướng đánh phá, số lượng, phương tiện,... tiến công đường không của địch. Chủ động thông báo, báo động kịp thời, rộng khắp bằng hệ thống đài phát thanh, truyền thanh, còi điện, kèn, loa,... được bố trí trên khắp các đường phố, khu công cộng; đường làng, ngõ xóm; các nhà máy, công trình. + Khi nghe thông báo, báo động địch tiến công đường không, mọi người nhanh chóng ẩn nấp để bảo đảm an toàn, hạn chế tổn thất khi địch đánh phá. – Tổ chức sơ tán, phân tán phòng, tránh tiến công đường không của địch. + Sơ tán, phân tán thời gian dài đến khi tình hình ổn định: Thực hiện đối với trẻ em, người già yếu, phụ nữ mang thai ở vùng trọng điểm phòng không, những người không nhất thiết phải ở lại. Các cơ quan, nhà

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV nhận xét và thống nhất về nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến.	máy, doanh nghiệp dời đi nhưng vẫn đảm bảo hoạt động bình thường. + Sơ tán, phân tán trong tình huống khẩn cấp: Thực hiện đối với các khu vực có nguy cơ địch tập trung đánh phá; người, phương tiện của các nhà máy, doanh nghiệp phải sơ tán, tiếp tục sản xuất để bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng và nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân. + Sơ tán, phân tán tại chỗ: áp dụng đối với lực lượng bám trụ ở những địa bàn trọng điểm về phòng không nhân dân để sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đánh trả và khắc phục hậu quả do địch tiến công hỏa lực đường không gây nên. – Tổ chức đánh địch tiến công đường không. + Tổ chức toàn dân tham gia đánh địch trên không, trong đó các đơn vị súng máy phòng không các cấp (phòng không bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, bộ đội biên phòng,...) kết hợp với các tổ bắn máy bay thấp bằng súng bộ binh ở các làng, xã, nhà máy, công trình tạo nên lưới lửa phòng không dày đặc. + Khi máy bay bị bắn rơi hoặc giặc lái nhảy dù, lập tức phát tín hiệu vây bắt giặc lái bằng các phương tiện sẵn có (gỗ mồi, gỗ keng,...); mọi người dân đều tham gia vây bắt giặc lái. – Tổ chức khắc phục hậu quả và những thiệt hại do địch tiến công đường không. + Tổ chức cứu sập: Cứu sập được tổ chức ở từng nhà máy, cơ quan, khu phố; lấy lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt và phân làm hai loại là lực lượng cứu sập tại chỗ và lực lượng cơ động. + Tổ chức cứu thương: Cứu thương lấy lực lượng y tế làm nòng cốt, chia ra thành các tuyến: tuyến sơ cứu tại chỗ; tuyến cấp cứu ban đầu tại trạm xá, bệnh xá; tuyến

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	bệnh viện huyện (quận); tuyến bệnh viện tỉnh, thành phố và Trung ương. + Tổ chức chữa cháy: Chữa cháy lấy lực lượng phòng cháy chữa cháy làm nòng cốt kết hợp với lực lượng dân quân tự vệ và quần chúng ở cơ sở. + Ổn định đời sống: Ban chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp chủ động công tác khắc phục hậu quả; phát huy tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau; tổ chức hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân khu vực bị đánh phá sửa chữa nhà cửa, bố trí nơi ở tạm thời,... nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân.

IV. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện phòng không nhân dân.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi về trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện phòng không nhân dân.

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện phòng không nhân dân (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
1. Trách nhiệm của công dân	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của công dân trong thực hiện phòng không nhân dân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi làm rõ trách nhiệm của công dân	– Trách nhiệm của công dân. + Thực hiện nghiêm kế hoạch phòng không nhân dân của ban chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp; các văn bản pháp luật về phòng không nhân dân ở địa phương. + Tham gia huấn luyện, diễn tập và thực hiện các nhiệm vụ phòng không nhân dân theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quân sự địa phương khi được huy động.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
trong thực hiện phòng không nhân dân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung về trách nhiệm của công dân trong thực hiện phòng không nhân dân. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của công dân trong thực hiện phòng không nhân dân.	+ Tích cực tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hiểu biết về phòng không nhân dân. + Cùng với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác chính sách, quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ những người bị ốm, tai nạn, bị thương, hi sinh,... khi tham gia lực lượng phòng không nhân dân.
2. Trách nhiệm của học sinh	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của HS trong thực hiện phòng không nhân dân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi làm rõ trách nhiệm của HS trong thực hiện phòng không nhân dân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung về trách nhiệm của HS trong thực hiện phòng không nhân dân. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của HS trong thực hiện phòng không nhân dân.	– Trách nhiệm của học sinh. + Thường xuyên học tập nâng cao nhận thức về vị trí, chức năng và nội dung hoạt động của phòng không nhân dân. + Thực hiện nghiêm các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường về công tác phòng không nhân dân. + Cùng với nhà trường tham gia xây dựng hầm, hào trú ẩn, đan mũ rom,...; thực hiện các biện pháp nguy trang và quy định giữ bí mật của nhà trường. + Thực hiện kế hoạch sơ tán, phân tán của nhà trường và tham gia học tập đầy đủ tại nơi sơ tán; tin hiệu thông báo, báo động về phòng không nhân dân. + Tham gia khắc phục hậu quả, thiệt hại do địch đánh phá, nhanh chóng ổn định tình hình học tập.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về phòng không nhân dân.

b) Nội dung

HS trình bày quan điểm của mình về những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

HS đưa ra được quan điểm, lập luận cụ thể, rõ ràng về quan điểm của mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS đọc các ý kiến trong SGK; hỏi HS không đồng ý với ý kiến nào và cho biết lí do; nhận xét và thống nhất nội dung.

Các ý kiến không phù hợp là ý kiến a, c và d:

a) Phòng không nhân dân chỉ có ý nghĩa và được tổ chức thực hiện trong thời chiến. Ý kiến này chưa phù hợp, vì nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng không nhân dân chỉ ra rằng: Công tác phòng không nhân dân được chuẩn bị từ thời bình và triển khai thực hiện khi có biểu hiện, hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch.

c) Thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân lấy bộ đội Phòng không – Không quân làm nòng cốt, ý kiến này chưa phù hợp, vì nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng không nhân dân chỉ ra rằng: Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân do hệ thống chính trị, toàn dân và lực lượng vũ trang thực hiện, trong đó bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt.

d) Địa bàn phòng không nhân dân chỉ được xác định ở những vị trí trọng yếu trong hệ thống phòng thủ cấp tỉnh, ý kiến này chưa phù hợp, vì địa bàn phòng không nhân dân được xác định là các huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh hoặc những vị trí trọng yếu nằm trong hệ thống phòng thủ của cấp tỉnh và quân khu.

2. GV hướng dẫn HS đọc các ý kiến trong SGK; hỏi HS không đồng ý với ý kiến nào và cho biết lí do; nhận xét và thống nhất nội dung.

Ý kiến 1 chưa phù hợp vì hỏa lực đường không của địch tập trung đánh phá không chỉ vào các mục tiêu quân sự mà còn nhiều mục tiêu khác.

Ý kiến 2 và 3 là phù hợp vì đó là những mục tiêu, thủ đoạn đánh phá đường không của địch.

3. GV nêu quan điểm trong SGK và gọi HS đưa ra ý kiến; nhận xét, bổ sung và thống nhất nội dung.

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện phòng không nhân dân không chỉ dành cho bộ đội và dân quân tự vệ, mà tất cả người dân đều phải được tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về phòng không nhân dân.

4. GV giao bài tập về nhà, yêu cầu HS thực hiện và quy định thời gian nộp; khuyến khích HS trình bày với nhiều dạng khác nhau về nội dung sơ tán, phân tán phòng, tránh địch tiến công đường không của địch.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học về phòng không nhân dân vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu trong phần vận dụng.

c) Sản phẩm

1. Một số cá nhân, đơn vị bắn rơi máy bay trong kháng chiến chống Mỹ: Anh hùng Nguyễn Văn Cốc, Nguyễn Văn Bảy, Phạm Tuân,... Tiểu đội nữ du kích xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Trung đội dân quân gái Hoa Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hoá; dân quân gái Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình (11/1972); dân quân xã Tiền Châu, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc (10/1972),...

2. HS có thể thực hiện sơ tán, phân tán theo hướng dẫn của nhà trường, địa phương; vào hầm trú ẩn, lợi dụng hào, hố để tránh bom,...

3. Một số nơi có thể lợi dụng để phòng, tránh khi địch tiến công đường không như bờ đê, kênh mương, đồng rơm, rạ,...

d) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức thực hiện nội dung vận dụng 2, 3 ở trên lớp; vận dụng phương pháp đàm thoại để tiến hành hoạt động học tập.

GV giao bài tập về nhà cho HS và quy định thời gian nộp, kiểm tra đối với nội dung vận dụng 1.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 6: GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI SÚNG BỘ BINH, THUỐC NỔ, VẬT CẢN VÀ VŨ KHÍ TỰ TẠO

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá một số vấn đề chung về vũ khí bộ binh; thuốc nổ, vật cản và vũ khí tự tạo.

2. Về năng lực

Nhận biết, phân loại được một số loại súng bộ binh, một số loại thuốc nổ, vật cản, vũ khí tự tạo;

Nêu được tính năng, tác dụng của một số loại thuốc nổ thường dùng; cấu tạo, tác dụng của các loại đồ dùng gây nổ; tính năng, cấu tạo, tác dụng của một số loại vật cản và vũ khí tự tạo; tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động và nguyên tắc tháo, lắp súng tiểu liên AK;

Biết thực hành tháo, lắp súng tiểu liên AK.

3. Về phẩm chất

Có ý thức chấp hành tốt quy tắc sử dụng vũ khí, trang bị; tự giác luyện tập thành thạo động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A4 (phiếu học tập).

Tranh, ảnh theo hình 6.1, 6.8, 6.9 và tranh binh khí súng tiểu liên AK; tranh bộ đồ dùng gây nổ thường; ảnh hoặc mô hình thuốc nổ TNT, C4; súng tiểu liên AK đồng bộ.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

HS nêu được tên một số loại súng được sử dụng trong quân đội hiện nay; tạo hứng thú và sẵn sàng tìm hiểu kiến thức về súng bộ binh, thuốc nổ, vật cản và vũ khí tự tạo ở bài học mới.

b) Nội dung

HS trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

Một số loại súng được sử dụng trong quân đội: súng tiểu liên AK, súng trung liên RPD, súng B41, súng M79, súng trường CKC, súng ngắn K54,...

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi; gọi HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Hoạt động 2. Khám phá

I. SÚNG BỘ BINH

1. Hiểu biết chung về súng bộ binh

a) Mục tiêu

HS nêu được khái niệm súng bộ binh; những hiểu biết chung về súng tiểu liên AK và súng trung liên RPD.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.1 trong SGK, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nêu được khái niệm súng bộ binh; những hiểu biết chung về súng tiểu liên AK và súng trung liên RPD (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.1 trong SGK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi về khái niệm súng bộ binh; những hiểu biết chung về súng tiểu liên AK, súng trung liên RPD. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm súng bộ binh; những	– Súng bộ binh: là súng trang bị cho cá nhân và phân đội bộ binh. – Súng tiểu liên AK: Súng tiểu liên AK cỡ 7,62 mm là loại súng nòng dài, tự động nạp đạn, trang bị cho từng người, dùng hỏa lực để tiêu diệt sinh lực địch; ngoài ra, có thể sử dụng lưỡi lê, báng súng để đánh gần. Súng bắn được liên thanh và phát một. Súng tiểu liên AK cải tiến có 2 loại: AKM có thêm bộ phận giảm nảy lắp ở đầu súng; có lẫy giảm tốc; thước ngắm có vạch khắc từ 1 đến 10, tương ứng với cự li bắn từ 100 m đến 1000 m ngoài thực địa; AKMS có báng bằng sắt, gập lại được. – Súng trung liên RPD: Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm là loại súng nòng dài, tự động nạp đạn, trang bị cho một người

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
hiểu biết chung về súng tiểu liên AK, súng trung liên RPD.	sử dụng. Đây là hoả lực mạnh của tiểu đội bộ binh, dùng để tiêu diệt sinh lực địch tập trung; những mục tiêu lẻ, quan trọng hoặc hoả điểm của địch; chi viện cho bộ binh xung phong. Súng chỉ bắn được liên thanh.

2. Tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK

a) Mục tiêu

HS nêu được tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.2, 6.3 trong SGK, nghe, quan sát tranh, video chuyển động của súng tiểu liên AK.

c) Sản phẩm

HS nêu được tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, quan sát video để nắm tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV trình bày tính năng, cấu tạo và nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK; – HS nghe, quan sát và nắm nội dung. Bước 3. Báo cáo, thảo luận	– Tính năng: + Súng dùng đạn kiểu 1943 do Liên Xô sản xuất; đạn kiểu 1956 do Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác sản xuất. Có các loại đầu đạn: đầu đạn thường, đầu đạn vạch đường, đầu đạn xuyên cháy và đầu đạn cháy. Hộp tiếp đạn chứa được 30 viên đạn. + Tầm bắn ghi trên thước ngắm: Thước ngắm ghi số từ 1 đến 8, tương ứng với cự li bắn từ 100 m đến 800 m ngoài thực địa. + Tầm bắn hiệu quả: 400 m; hoả lực bắn tập trung tiêu diệt mục tiêu mặt đất, mặt nước: 800 m; bắn máy bay, quân dù: 500 m.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
HS trả lời các câu hỏi của GV về tính năng, cấu tạo và nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK; HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về tính năng, cấu tạo và nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK.	+ Tầm bắn thẳng đối với mục tiêu người nằm: 350 m; đối với mục tiêu người chạy: 525 m. + Tốc độ đầu của đầu đạn: 710 m/s. + Tốc độ bắn: lí thuyết 600 phát/phút; chiến đấu: khi bắn phát một khoảng 40 phát/phút, khi bắn liên thanh khoảng 100 phát/phút. + Khối lượng của súng: 3,8 kg; khi lắp đủ 30 viên đạn: 4,3 kg. – Cấu tạo: + Cấu tạo của súng tiểu liên AK gồm 11 bộ phận chính: Nòng súng, bộ phận ngắm, hộp khoá nòng và nắp hộp khoá nòng, bộ khoá nòng và thoi đẩy, khoá nòng, bộ phận cò, bộ phận đẩy về, ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay, báng súng và tay cầm, hộp tiếp đạn, lê. + Ngoài các bộ phận chính, súng tiểu liên AK còn có đồng bộ của súng như phụ tùng (ống đựng, cái vặn vít, chổi lông, tổng chốt,...), thông nòng và dây súng. – Nguyên lí hoạt động: + Gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo tay kéo bộ khoá nòng về sau hết cỡ. Khi thả tay kéo bộ khoá nòng, lò xo đẩy về giãn ra, đẩy bộ khoá nòng và khoá nòng tiến về phía trước, đẩy viên đạn thứ nhất vào buồng đạn. + Bóp cò, búa đập vào kim hoả, kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc phóng. + Thuốc phóng cháy sinh ra khí thuốc có áp suất rất lớn, đẩy đầu đạn chuyển động trong nòng súng.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	+ Khi đầu đạn chuyển động qua lỗ trích khí thuốc, một phần khí thuốc phụt qua lỗ trích khí thuốc đập vào mặt thoi đẩy, đẩy bộ khoá nòng và khoá nòng lùi, vỏ đạn được hất ra ngoài. + Khi bộ khoá nòng lùi hết cỡ, lò xo đẩy về giãn ra, đẩy bộ khoá nòng và khoá nòng tiến về phía trước, đẩy viên đạn tiếp theo vào buồng đạn. Mọi hoạt động của súng cứ lặp đi, lặp lại như vậy cho đến khi hết đạn.

3. Tháo, lắp thông thường súng tiểu liên AK

a) Mục tiêu

HS nêu được quy tắc và biết thực hành tháo, lắp thông thường súng tiểu liên AK.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.4 trong SGK, quan sát động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK của GV.

c) Sản phẩm

HS nêu được quy tắc và biết thực hành tháo, lắp thông thường súng tiểu liên AK (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.4 trong SGK để nắm quy tắc và các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – HS đọc thông tin, quan sát hình 6.4 trong SGK và quan sát động	- Quy tắc tháo, lắp: + Người tháo, lắp phải nắm vững cấu tạo của súng. + Chọn nơi khô ráo, sạch sẽ để tháo, lắp súng. Chuẩn bị đầy đủ các vật chất cần thiết như bàn (vải bạt, chiếu, ni-lông) và phụ tùng của súng. + Trước khi tháo súng phải kiểm tra, khám súng. + Khi tháo, lắp phải dùng đúng phụ tùng; động tác phải đúng thứ tự, nhẹ nhàng. Khi gặp vướng mắc

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
tác tháo, lắp súng tiểu liên AK của GV. – GV thực hiện làm chậm phân tích các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi của GV: tháo, lắp súng tiểu liên AK gồm mấy bước? Đó là những bước nào? HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về quy tắc và các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK.	phải nghiên cứu thận trọng, không dùng sức mạnh để đập, bẫy làm hư hỏng súng. – Tháo súng: + Bước 1: Tháo hộp tiếp đạn, kiểm tra súng Tay trái nắm ốp lót tay, giữ súng dựng đứng trên bàn (vải bạt, chiếu hoặc ni-lông), mặt súng quay sang trái, miệng nòng súng hướng lên trên. Tay phải nắm hộp tiếp đạn, ngón tay cái ấn lẩy giữ hộp tiếp đạn; đồng thời, đẩy hộp tiếp đạn lên, lấy ra, đặt xuống bàn. Mở khoá an toàn về vị trí bắn, tay phải nắm tay kéo bệ khoá nòng, hơi kéo bệ khoá nòng về sau, mắt quan sát buồng đạn. Nếu trong súng có đạn phải lấy ra, sau đó kéo bệ khoá nòng hết cỡ về sau, rồi thả ra, không bóp cò, không đóng khoá an toàn. + Bước 2: Tháo ống đựng phụ tùng Tay trái giữ súng như cũ, nhấc súng lên khỏi mặt bàn (để báng súng cách mặt bàn từ 15 đến 20 cm). Tay phải dùng ngón trỏ ấn nắp ổ chứa ống đựng phụ tùng rồi thả ra, lò xo đẩy ống đựng phụ tùng ra ngoài, tay phải cầm ống đựng phụ tùng. Đặt súng xuống bàn, kết hợp hai tay mở nắp ống đựng phụ tùng, lấy các phụ tùng ra ngoài đặt lên bàn. + Bước 3: Tháo thông nòng Tay trái giữ súng như khi tháo hộp tiếp đạn. Tay phải cầm đuôi thông nòng kéo sang phải, rút lên và lấy ra (trường hợp thông nòng chặt quá, dùng tống chốt cắm vào lỗ ngang ở đuôi thông nòng để rút lên). + Bước 4: Tháo nắp hộp khoá nòng

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	Súng đặt trên bàn, nòng súng hướng về trước, mặt súng hướng lên trên. Tay trái nắm cổ báng súng, ngón cái ấn mấu giữ nắp hộp khoá nòng cho mấu thụt vào trong, tay phải nắm nắp hộp khoá nòng nhấc ra khỏi súng. + Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải cầm đuôi cốt lò xo, đẩy về trước cho chân đuôi cốt lò xo rời khỏi rãnh dọc hộp trên khoá nòng, rồi nâng lên, lấy bộ phận đẩy về ra. + Bước 6: Tháo bệ khoá nòng và khoá nòng Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải nắm bệ khoá nòng kéo về sau hết cỡ rồi nhấc lên, tháo ra khỏi hộp khoá nòng. Đặt súng xuống bàn, tay trái nắm ngửa bệ khoá nòng, tay phải xoay khoá nòng sang trái về phía sau, để mấu đóng mở của khoá nòng rời khỏi rãnh lượn của bệ khoá nòng, rồi tháo khoá nòng ra khỏi bệ khoá nòng. + Bước 7: Tháo ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên Tay trái nắm hộp khoá nòng, tay phải dùng ngón trỏ hoặc ống đựng phụ tùng xoay lẫy giữ ống dẫn thoi đẩy lên trên, sao cho mặt bằng của lẫy thẳng với mặt cắt sau ốp lót tay, rồi lấy ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên ra khỏi súng. – Lắp súng: Thứ tự các bước làm ngược lại khi tháo (Bộ phận nào tháo ra sau thì lắp vào trước). + Bước 1: Lắp ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	Tay trái nắm hộp khoá nòng giữ súng như khi tháo. Tay phải cầm ống dẫn thoi đẩy và ộp lót tay trên, lắp đầu ống dẫn thoi đẩy khớp vào khuyết ở khâu truyền khí thuốc, rồi ấn xuống, gạt lẫy giữ ống dẫn thoi đẩy xuống hết mức. – Bước 2: Lắp bộ khoá nòng và khoá nòng Lắp khoá nòng vào bộ khoá nòng: Tay trái cầm ngửa bộ khoá nòng, tay phải lắp đuôi khoá nòng vào lỗ chứa, rồi xoay khoá nòng từ sau sang phải về trước. Lắp bộ khoá nòng và khoá nòng vào súng: Tay trái trao bộ khoá nòng và khoá nòng cho tay phải. Tay phải cầm ngửa bộ khoá nòng, ngón cái tì vào tai trái khoá nòng để khoá nòng ở vị trí phía trước hết cỡ, sau đó lật úp bộ khoá nòng. Tay trái ngửa nắm cổ báng súng, tay phải đưa đầu thoi đẩy vào lỗ chứa thoi đẩy, đặt bộ khoá nòng vào sát phía sau hộp khoá nòng, rồi ấn xuống sao cho hai rãnh trượt ở bộ khoá nòng khớp vào hai gờ trượt ở hộp khoá nòng, đẩy bộ khoá nòng và khoá nòng về trước hết cỡ. + Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm đuôi cốt lò xo đẩy về, lắp đầu bộ phận đẩy về vào lỗ chứa ở bộ khoá nòng, ấn về trước, lựa sao cho chân đuôi cốt lò xo đẩy về khớp vào rãnh dọc ở hộp khoá nòng. + Bước 4: Lắp nắp hộp khoá nòng, kiểm tra chuyển động Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm nắp hộp khoá nòng, lựa cho đầu nắp hộp khoá nòng lọt

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	vào khuyết giữ ở sau bệ thước ngắm, dùng lòng bàn tay phải ấn nắp hộp khoá nòng xuống, sao cho mấu giữ nắp hộp khoá nòng lọt vào lỗ chứa ở đuôi nắp hộp khoá nòng. Kiểm tra chuyển động: Tay trái nắm ốp lót tay trên, nòng súng hướng lên trên. Tay phải cầm tay kéo bệ khoá nòng kéo về sau hết cỡ rồi thả ra, làm 2 hoặc 3 lần, thấy bệ khoá nòng và khoá nòng chuyển động bình thường, sau đó bóp cò búa đập mạnh là được. Gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí an toàn. + Bước 5: Lắp thông nòng Tay trái nắm ốp lót tay, giữ súng như khi tháo, tay phải cầm đuôi thông nòng, lắp đầu thông nòng lọt vào lỗ chứa dưới khâu truyền khí thuốc và khâu giữ ốp lót tay dưới; hơi kéo đuôi thông nòng sang phải và ấn xuống hết cỡ. + Bước 6: Lắp ống đựng phụ tùng Tay trái cầm ống đựng phụ tùng, tay phải lắp các phụ tùng vào ống đựng, đóng nắp lại. Tay trái nắm ốp lót tay, nâng súng lên cách mặt bàn từ 15 đến 20 cm. Tay phải đặt đầu ống đựng phụ tùng vào ổ chứa, dùng ngón trỏ đẩy ống vào hết mức, rút ngón tay ra, nắp giữ ống đựng phụ tùng tự động đóng lại. + Bước 7: Lắp hộp tiếp đạn Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm hộp tiếp đạn lắp mấu trước của hộp tiếp đạn khớp vào khuyết chứa ở hộp khoá nòng, ấn cho mấu sau của hộp tiếp đạn khớp vào lẫy giữ ở trước vành cò.

II. THUỐC NỔ, VẬT CẢN VÀ VŨ KHÍ TỰ TẠO

1. Thuốc nổ

a) Mục tiêu

HS nhận biết, phân loại và nêu được tính năng, tác dụng của một số loại thuốc nổ thường dùng, đồ dùng gây nổ thường.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.5, 6.7 trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nhận biết, phân loại và nêu được tính năng, tác dụng của một số loại thuốc nổ thường dùng, đồ dùng gây nổ thường (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.5, 6.7 trong SGK và thảo luận làm rõ tính năng, tác dụng của thuốc nổ TNT, C4; cấu tạo, tính năng, tác dụng của bộ đồ dùng gây nổ thường. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, quan sát hình 6.4 trong SGK và thảo luận nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày kết quả của thảo luận; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (vừa nói vừa chỉ vào mô hình, tranh thuốc nổ và bộ đồ dùng gây nổ thường). Bước 4. Kết luận, nhận định	– Khái niệm: Thuốc nổ là chế phẩm của chất nổ mà khi chịu tác động của những xung kích thích từ bên ngoài đủ mạnh thì thường nổ (mà ít cháy). – Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT) + Tính năng: Có dạng tinh thể rắn; màu vàng nhạt; khi tiếp xúc ánh sáng mặt trời ngả sang màu nâu; có vị đắng; khi cháy tạo ra lửa đỏ, khói đen, mùi nhựa thông; ít hút ẩm; dùng được ở dưới nước; dễ hoà tan trong benzen, axeton, ete, rượu etylic hoặc các loại acid đậm đặc; gây nổ bằng kíp số 6 trở lên, nếu thuốc nổ đúc khi gây nổ phải dùng thuốc nổ môi. Nóng chảy ở 81 oC, bốc cháy ở 310 °C, nổ ở 350 °C; nếu tăng nhiệt độ đột ngột lên 300 °C sẽ nổ. + Tác dụng: Được sử dụng rộng rãi trong quân đội cũng như trong một số lĩnh vực khác; thường được đúc thành từng bánh có khối lượng từ 15 g đến 400 g để làm các loại lựu đạn; trộn với thuốc nổ mạnh làm dây nổ; trộn với thuốc nổ yếu để phá đất, phá đá.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV nhận xét và thống nhất về tính năng, tác dụng của thuốc nổ TNT, C4; cấu tạo, tính năng, tác dụng của bộ đồ dùng gây nổ thường.	– Thuốc nổ C4 + Tính năng: Là thuốc nổ hỗn hợp gồm 80% thuốc nổ mạnh Hexogen bột trộn với 20% chất kết dính. Màu trắng đục, mùi hắc, dẻo, nhào nặn dễ dàng, vị hơi ngọt; không hút ẩm, không tan trong nước. Sử dụng trong điều kiện nhiệt độ từ –30 °C đến 50 °C. Nếu nhiệt độ càng thấp thì độ dẻo càng giảm; gây nổ bằng kíp số 6 trở lên; đốt khó cháy, đốt nóng đến 190 °C thì cháy, khi cháy ở 201 °C thì nổ. + Tác dụng: Dùng để phá huỷ các vật thể có hình dạng phức tạp; dùng làm lượng nổ lổm. – Đồ dùng gây nổ thường Bộ đồ dùng gây nổ thường gồm kíp thường, nụ xùy và dây cháy chậm. + Kíp thường * Cấu tạo: Kíp thường có cấu tạo gồm vỏ kíp, mắt ngỗng, bát kim loại, thuốc gây nổ và thuốc nổ mạnh. Căn cứ vào kích thước, kíp được phân ra 10 cỡ số, từ 1 đến 10; trong thực tế thường dùng kíp số 6, 8, 10. Số kíp càng lớn, thuốc càng nhiều, gây nổ càng mạnh. * Tính năng, tác dụng: Dùng để gây nổ thuốc nổ hoặc dây nổ. Cảm ứng của kíp rất nhạy; nếu để va chạm, cọ xát, chấn động mạnh, vật nặng đè lên, tăng nhiệt độ hoặc khêu móc, chọc vào thuốc gây nổ (mắt ngỗng) đều có thể nổ. + Nụ xùy

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	* Cấu tạo: Nụ xùy có cấu tạo gồm vỏ, gờ định vị dây cháy chậm, lỗ thoát khí, dây kim loại, bát kim loại chứa thuốc phát lửa và dây giật. * Tính năng, tác dụng: Nụ xùy dùng để phát lửa đốt cháy dây cháy chậm hoặc gây nổ kíp (gây nổ trực tiếp). Nụ xùy phát lửa rất nhạy nhưng khi hút ẩm không phát lửa được. Vì vậy, phải giữ gìn, bảo quản cẩn thận. + Dây cháy chậm * Cấu tạo: Dây cháy chậm có cấu tạo gồm vỏ, lớp sợi, lõi thuốc đen và dây tim. * Tính năng, tác dụng: Dây cháy chậm dùng để dẫn lửa gây nổ kíp. Tốc độ cháy trung bình của dây cháy chậm trong không khí là 1 cm/s, nếu cháy dưới nước thì nhanh hơn. Khi dùng phải căn cứ vào tính năng, ý định, cách đánh và khoảng cách bảo đảm an toàn cho người đánh thuốc nổ mà cắt dây cháy chậm dài hay ngắn.

2. Vật cản

a) Mục tiêu

HS nêu được khái niệm, phân loại và nhận biết được một số loại vật cản.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.8 trong SGK; thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nêu được khái niệm, phân loại và nhận biết được một số loại vật cản (ở cột yêu cầu cần đạt)

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	– Vật cản:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.8 trong SGK để trả lời câu hỏi: Thế nào là vật cản? Nêu cách phân loại vật cản. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi và ghi vào phiếu học tập khái niệm, phân loại vật cản. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm phân loại vật cản.	Vật cản là tên gọi chung các vật thể, phương tiện do người làm ra hoặc cải tạo cái có sẵn để làm chậm hoặc ngăn cản cơ động, gây khó khăn cho các hoạt động khác và thiệt hại cho đối phương. – Phân loại: + Có vật cản tự nhiên và vật cản nhân tạo. Vật cản tự nhiên là loại vật cản có sẵn trong tự nhiên như rừng, núi, sông, suối, ao, hồ,... Vật cản nhân tạo là vật cản do con người tạo ra, gồm vật cản nổ và vật cản không nổ. + Vật cản nổ là vật cản bằng mìn, lượng nổ,... dùng uy lực thuốc nổ để tiêu diệt địch. Trong đó, có vật cản chống các phương tiện cơ giới (mìn chống tăng, lượng nổ mạnh,...); vật cản chống bộ binh (mìn chống bộ binh, lượng nổ nhỏ,...); thủy lôi,... + Vật cản không nổ có nhiều loại như hàng rào thép gai, hàng rào tre, hàng rào điện, hào, hố, vách đứng, vách huyệt,...

3. Vũ khí tự tạo

a) Mục tiêu

HS nêu được khái niệm và nhận biết được một số loại vũ khí tự tạo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.9 trong SGK.

c) Sản phẩm

HS nêu được khái niệm và nhận biết được một số loại vũ khí tự tạo (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	– Vũ khí tự tạo:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV chia lớp thành nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.9 trong SGK để trả lời câu hỏi: Thế nào là vũ khí tự tạo? Kể tên một số loại vũ khí tự tạo mà em biết. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi và ghi vào phiếu học tập khái niệm vũ khí tự tạo, tên một số loại vũ khí tự tạo. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm vũ khí tự tạo, một số loại vũ khí tự tạo.	Vũ khí tự tạo là vũ khí có cấu tạo và nguyên lí hoạt động đơn giản, dễ chế tạo bằng những phương pháp và phương tiện thủ công, dùng vật liệu tại chỗ, đạn dược hỏng hoặc cải tiến các loại đạn dược thu được của đối phương. – Một số loại vũ khí tự tạo: Vũ khí tự tạo có nhiều loại như dao, mã tấu, giáo, mác, kiếm; gậy tầm vông, cung, nỏ, chông các loại; bẫy chông, bẫy đá, bẫy đạn; tổ ong; bom, lựu đạn, mìn tự chế,...

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học và thành thạo động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK.

b) Nội dung

HS luyện tập cá nhân, nhóm các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK.

c) Sản phẩm

HS thành thạo động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK.

d) Tổ chức thực hiện

– Luyện tập cá nhân:

GV hướng dẫn HS tiến hành công tác chuẩn bị; tự nghiên cứu, tập chậm và nhanh dần các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK.

– Luyện tập theo nhóm:

GV chia lớp thành các nhóm, trong từng nhóm thay nhau luyện tập các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK; nhận xét và bổ sung cho nhau.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết tình huống giả định và sưu tầm về vũ khí tự tạo mà quân và dân ta đã sử dụng trong chiến tranh giải phóng.

b) Nội dung

HS đưa ra quan điểm của mình về tình huống giả định; thực hành sưu tầm vũ khí tự tạo của quân và dân ta trong chiến tranh giải phóng.

c) Sản phẩm

1. Trong quá trình tháo, lắp súng, nếu thấy vướng mắc, không tự mình xử lý được, HS phải báo cáo với GV để được hướng dẫn cụ thể; tuyệt đối không tùy tiện dùng sức mạnh để đập, bầy làm hư hỏng súng.

2. Ví dụ: hầm chông: Những cây chông sắc, nhọn được vót bằng tre già được cắm thật chặt xuống hố, mũi nhọn hướng lên trên. Ở bên trên, hố chông được nguy trang bằng hàng cây, rơm, rạ, cỏ. Bình thường, địch không biết đó là hầm chông, chỉ khi nào rơi xuống hố, bị chông đâm vào người thì mới biết mình đã rơi vào trận địa của ta. Chính vì vậy, nhiều lính Mỹ đã nói với nhau rằng “Đi một bước nữa có thể là bước đi cuối cùng của đời mình”.

d) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức thực hiện nội dung 1 ở trên lớp; giao bài tập về nhà và quy định thời gian kiểm tra đối với nội dung 2.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 7: PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được những nội dung cơ bản pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Về năng lực

Nêu được các khái niệm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; Nguyên tắc quản lý, sử dụng, trang bị, tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; Các hành vi bị nghiêm cấm và quy định của pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

3. Về phẩm chất

Nhận thức đúng và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; biết tuyên truyền, vận động người thân không tàng trữ, mua, bán, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái pháp luật.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4 (phiếu học tập).

Tranh, ảnh theo hình 7.1 – 7.4 trong SGK; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; các video, tài liệu khác có liên quan về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS và hướng HS tìm hiểu về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

GV nêu câu hỏi, HS sử dụng những kiến thức đã biết trả lời.

c) Sản phẩm

Hình 7.1 thể hiện hành động công dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS quan sát hình 7.1, sau đó nêu câu hỏi: Hình ảnh thể hiện hành động gì của công dân?

Sau khi HS trả lời, GV trên cơ sở đó dẫn dắt vào bài học mới.

Hoạt động 2. Khám phá

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Một số khái niệm

a) Mục tiêu

HS hiểu được thế nào là vũ khí, vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao; vật liệu nổ; công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nắm được khái niệm vũ khí, vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao; vật liệu nổ; công cụ hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và cho biết thế nào là vũ khí, vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao; vật liệu nổ; công cụ hỗ trợ. Từ đó kể tên các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.	– Vũ khí: + Vũ khí là thiết bị, phương tiện hoặc tổ hợp những phương tiện được chế tạo, sản xuất có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá huỷ kết cấu vật chất bao gồm vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự. + Vũ khí quân dụng bao gồm hai nhóm: nhóm 1 là vũ khí được chế tạo, sản xuất bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp; nhóm hai là vũ khí được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, không theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá huỷ kết cấu vật chất tương tự như súng cầm tay; vũ khí hạng nhẹ; vũ khí hạng nặng. + Súng săn là súng được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, được sử dụng để săn bắn, bao gồm súng kíp, súng hơi và đạn sử dụng cho các loại súng này. + Vũ khí thô sơ là vũ khí có cấu tạo, nguyên lý hoạt động đơn giản và được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, bao gồm dao găm, kiếm, giáo, mác,
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận về khái niệm, lấy ví dụ về các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung về khái niệm, ví dụ các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.	

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về khái niệm, ví dụ các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.	thương, lưỡi lê, đao, mã tấu, côn, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, phi tiêu. + Vũ khí thể thao là vũ khí được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, được sử dụng để luyện tập, thi đấu thể thao. + Vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao là vũ khí có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe con người, phá huỷ kết cấu vật chất,... – Vật liệu nổ: + Vật liệu nổ là sản phẩm dưới tác động của xung kích thích ban đầu gây ra phản ứng hoá học nhanh, mạnh, toả nhiệt, sinh khí, phát sáng, tạo ra tiếng nổ bao gồm: Thuốc nổ là hoá chất hoặc hỗn hợp chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của xung kích thích. Phụ kiện nổ là kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mìn nổ, vật phẩm chứa thuốc nổ, có tác dụng tạo ra xung kích thích ban đầu làm nổ khỏi thuốc nổ hoặc thiết bị chuyên dùng có chứa thuốc nổ. – Công cụ hỗ trợ: Công cụ hỗ trợ là phương tiện, động vật nghiệp vụ được sử dụng để thi hành công vụ, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, nhằm hạn chế, ngăn chặn người có hành vi vi phạm pháp luật chống trả, trốn chạy; bảo vệ người thi hành công vụ, người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ hoặc báo hiệu khẩn cấp.

2. Một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nắm được một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và ghi ra giấy một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận về một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một số HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	Một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ: – Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải đúng thẩm quyền, đối tượng và bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. – Người quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm đầy đủ điều kiện theo quy định. – Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm đúng mục đích, đúng quy trình, hạn chế thiệt hại đối với người, tài sản và môi trường, chỉ sử dụng trong những trường hợp pháp luật quy định. – Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, trang bị, mang, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy xác nhận. – Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ không còn nhu cầu sử dụng, hết hạn sử dụng hoặc còn không còn khả năng sử dụng phải được thu hồi, thanh lý hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

3. Trang bị vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

a) Mục tiêu

HS nắm được đối tượng được trang bị vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nắm được đối tượng được trang bị vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho các nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và cho biết: Cơ quan, đơn vị và cá nhân nào được pháp luật cho	– Đối tượng được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ: <i>Vũ khí quân dụng:</i> Quân đội nhân dân; Dân quân tự vệ; Cảnh sát biển; Công an nhân dân; Cơ yếu; Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm lâm,

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
phép sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để thực thi nhiệm vụ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm tiến hành thảo luận về các cơ quan, đơn vị và cá nhân nào được pháp luật cho phép sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để thực thi nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về cơ quan, đơn vị và cá nhân nào được pháp luật cho phép sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để thực thi nhiệm vụ. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, thống nhất về cơ quan, đơn vị và cá nhân nào được pháp luật cho phép sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để thực thi nhiệm vụ.	Kiểm ngư; An ninh hàng không; Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan. <i>Vũ khí thể thao:</i> Quân đội nhân dân; Dân quân tự vệ; Công an nhân dân; Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động; Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh; Cơ quan, tổ chức khác được thành lập, cấp phép hoạt động trong luyện tập, thi đấu thể thao. <i>Vũ khí thô sơ:</i> Quân đội nhân dân; Dân quân tự vệ; Cảnh sát biển; Công an nhân dân; Cơ yếu; Kiểm lâm, Kiểm ngư; An ninh hàng không; Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan; Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động; Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh. <i>Công cụ hỗ trợ:</i> Quân đội nhân dân; Dân quân tự vệ; Cảnh sát biển; Công an nhân dân; Cơ yếu; Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Cơ quan thi hành án dân sự; Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản; Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan; Đội kiểm tra của lực lượng quản lý thị trường; An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải; Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ; Ban bảo vệ dân phố; Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động; Cơ sở cai nghiện ma túy; Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định. – Sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ tuân thủ các quy định tại Điều 22, Điều 27, Điều 31, Điều 61 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

4. Tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lí, tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

a) Mục tiêu

HS nắm được những quy định về việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lí, tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, hoạt động nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được những quy định về việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lí, tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và nêu quy định về việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lí, tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin và trao đổi nhóm về việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lí, tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lí, tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.	– Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trình báo, giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cho cơ quan công an hoặc uỷ ban nhân dân, cơ quan quân sự nơi gần nhất trong trường hợp không thuộc đối tượng trang bị, sử dụng theo quy định của pháp luật mà có từ bất kì nguồn nào hoặc phát hiện, thu nhặt được. – Việc tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải được tiến hành thường xuyên và thông qua các đợt vận động.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt

5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

a) Mục tiêu

HS nắm được các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nắm được các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và nêu các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm về các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 4. Kết luận, nhận định	Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ: – Cá nhân không được sở hữu vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, trừ vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo. - Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; mang trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ. Giao vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định. Trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; trừ trường hợp trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê vũ khí thô sơ để làm hiện vật trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
GV nhận xét và thống nhất về các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố phế liệu, phế phẩm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện trái phép cách thức chế tạo, sản xuất, sửa chữa hoặc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ dưới mọi hình thức. Che giấu, không tố giác, giúp người khác chế tạo, sản xuất, mang, mua, bán, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc huỷ hoại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; đào bới, tìm kiếm, thu gom trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Không báo cáo, báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

a) Mục tiêu

HS nắm được những quy định của pháp luật về xử lí các hành vi vi phạm pháp luật về quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nắm được những quy định của pháp luật về xử lí các hành vi vi phạm pháp luật về quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi: - Nêu quy định của pháp luật về xử lí các hành vi vi phạm pháp luật về quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. - Khi nhặt, nhìn thấy các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thì	- Quy định của pháp luật về xử lí các hành vi vi phạm pháp luật về quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. - Xử phạt vi phạm hành chính: Các hành vi vi phạm bị phạt tiền từ 1 000 000 đến 40 000 000 đồng. - Xử lí hình sự đối với các tội: Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua, bán, trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng; chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua, bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ; chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua, bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
phải thông báo hoặc mang đến cơ quan nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm về quy định của pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung quy định của pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất quy định của pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	thể thao, công cụ hỗ trợ và vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự; vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. – Khi nhật, nhìn thấy các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải thông báo hoặc mang đến một trong những nơi: uỷ ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, cơ quan quân sự, cơ quan Công an, đơn vị Quân đội.

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

a) Mục tiêu

HS biết được trách nhiệm của công dân và bản thân trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện trách nhiệm của công dân và học sinh thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
1. Trách nhiệm của công dân	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của công dân trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi làm rõ trách nhiệm của công dân trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về trách nhiệm của công dân trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của công dân trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	Trách nhiệm của công dân: – Tích cực, chủ động tìm hiểu để nắm vững các quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. – Phát hiện, tố giác, kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng, vận chuyển, mua, bán, đào bới, tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép. – Tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
2. Trách nhiệm của học sinh	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để làm rõ trách nhiệm của HS trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	Trách nhiệm của học sinh: Nhận thức đúng và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Phát huy ý thức, trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động, phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi tàng

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin; thảo luận cặp đôi làm rõ trách nhiệm của HS trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung về trách nhiệm của HS trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về trách nhiệm của HS trong thực hiện pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	trữ, mua, bán, vận chuyển, đào bới, tìm kiếm, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Thể hiện thái độ không đồng tình với những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Phản ánh với thầy, cô giáo và nhà trường, cơ quan công an, uỷ ban nhân dân, cơ quan quân sự gần nhất các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thực hành các nhiệm vụ cụ thể.

b) Nội dung

HS trình bày quan điểm của mình về những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

1. Những cơ quan, đơn vị trang bị vũ khí quân dụng và những người thuộc cơ quan này bao gồm: Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển, Công an nhân dân, Cơ yếu,...

Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ: Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển,...; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ quy định việc trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển, Cơ yếu và câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ quy định việc trang bị công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. HS tìm hiểu nội dung Điều 5 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Một số hành vi nghiêm cấm: Cá nhân sở hữu vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trừ vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo; Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, công cụ hỗ trợ;...

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu nội dung Điều 18, Điều 55, Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; quy định thời gian nộp, kiểm tra.

2. GV giao bài tập về nhà cho HS ghi ra những hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quy định thời gian nộp, kiểm tra.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu trong phần vận dụng.

c) Sản phẩm

1. GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã học về khái niệm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để sưu tầm một số hình ảnh theo các dạng đó; chia sẻ trong tổ học tập về những hình ảnh về vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết của mình về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để xây dựng tiểu phẩm tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè không vi phạm những quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ như tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ; sản xuất, chế tạo hay mua bán vũ khí, vật liệu nổ; che giấu người có hành vi tàng trữ, mua bán, trao đổi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;...

d) Tổ chức thực hiện

GV giao bài tập về nhà cho HS, yêu cầu HS thực hiện trong thời gian quy định, có kiểm tra, chấm điểm.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 8: LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 11....

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá kiến thức khái niệm các loại địa hình, địa vật; ý nghĩa; yêu cầu khi lợi dụng địa hình, địa vật.

2. Về năng lực

Nắm được cách lợi dụng địa hình, địa vật che khuất, che đỡ và cách vận động khi qua địa hình chống trả.

3. Về phẩm chất

Thực hành được các động tác kỹ thuật phù hợp với các loại địa hình, địa vật trong các tình huống diễn ra.

Xây dựng ý thức, thái độ nghiêm túc trong học tập. Không ngại khó, ngại bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tài liệu: SGK và các tài liệu liên quan đến nội dung học tập.

Súng tiểu liên AK (CKC), bia số 6, số 7, cờ địch, cờ chỉ huy, còi.

Bài tập: Vị trí lên lớp và các vị trí cho học sinh luyện tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

– GV nhận lớp; tiến hành công tác kiểm tra; quy định vị trí đặt vật chất; tổ chức khám súng; chấn chỉnh đội hình.

– GV quy định chấp hành kỉ luật học tập; giữ gìn vệ sinh chung.

– GV phổ biến quy tắc sử dụng vũ khí, trang bị; quy tắc bảo đảm an toàn.

– GV phổ biến kí, tín hiệu luyện tập và quy ước tượng trưng.

+ Phổ biến kí, tín hiệu luyện tập:

Tín hiệu bắt đầu tập: Một hồi còi kết hợp cờ đỏ, cờ xanh giơ cao trên đầu và khẩu lệnh "Bắt đầu tập".

Tín hiệu dừng tập: Hai hồi còi kết hợp cờ đỏ (hoặc cờ xanh) chỉ vào bộ phận nào, cá nhân nào thì bộ phận đó, cá nhân đó dừng tập.

Tín hiệu thôi tập: Ba hồi còi kết hợp cờ đỏ, cờ xanh quay trên đầu và khẩu lệnh "Thôi tập".

Điều khiển tập: Cờ đỏ điều khiển cá nhân tập, bộ phận tập; Cờ xanh điều khiển quân xanh, người phục vụ; Dịch chuyển theo hướng cờ phát.

+ Quy ước tượng trưng:

Bia số 6: Tượng trưng cho $1 \div 2$ tên địch.

Bia số 7: Tượng trưng cho tốp địch từ $3 \div 5$ tên.

Bia số 10: Tượng trưng hoả điểm súng máy địch.

Mỡ quay: Tượng trưng cho hoả lực địch bắn.

Bia, mỡ bố trí ở vị trí nào thể hiện cho lực lượng của địch tương ứng đang triển khai ở vị trí đó.

Còi thổi hai tiếng liên tục tượng trưng cho hoả lực của ta bắn.

Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu

Tạo sự tò mò và kích thích HS tìm hiểu các loại địa hình, địa vật và cách lợi dụng địa hình, địa vật ở bài học mới.

b) Nội dung

HS huy động kiến thức để trả lời các câu hỏi:

Theo em, trong chiến đấu chiến sĩ lợi dụng địa hình, địa vật để làm gì?

c) Sản phẩm

HS nêu được tác dụng của địa hình, địa vật: để che giấu hành động chiến đấu, dùng vũ khí tiêu diệt địch và bảo vệ mình.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời; nhận xét và định hướng HS vào bài học mới.

Hoạt động 2: Khám phá

– GV giới thiệu địa hình, nội dung gồm:

- + Điểm đứng: Đông (Tây, Nam, Bắc,...), điểm cao (bình độ):
- + Phương hướng: Chỉ tại thực địa.
- + Địa hình: Điểm cao (bình độ); đường; làng bản,...
- GV thống nhất hướng đi.

I. CÁC LOẠI ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

1. Vật che khuất

a) Mục tiêu

HS nắm được thế nào là vật che khuất.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

Theo em thế nào là vật che khuất, lấy ví dụ về một số vật che khuất?

c) Sản phẩm

Là những vật có thể che giấu được hành động, nhưng không thể chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh (bom, pháo, cối, lựu đạn) xuyên qua như: bụi cây, bụi cỏ rậm rạp, mảnh, rèm,...

d) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.
- Nhận xét; thống nhất nội dung vật che khuất.

2. Vật che đỡ

a) Mục tiêu

HS nắm được thế nào là vật che đỡ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

Theo em thế nào là vật che đỡ? Lấy ví dụ một số vật che đỡ ở xung quanh.

Nêu những điểm giống và khác nhau giữa địa hình, địa vật che khuất và địa hình, địa vật che đỡ.

c) Sản phẩm

Là những vật có sức chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh (bom, đạn pháo, cối, lựu đạn) khó xuyên qua, đồng thời cũng có tác dụng che kín được hành động tương tự địa vật che khuất như: mô đất, gốc cây, bờ ruộng, bờ tường, vật kiến trúc kiên cố,...

d) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.
- GV nhận xét; thống nhất nội dung vật che đỡ.

3. Địa hình trống trải

a) Mục tiêu

HS nắm được thế nào là địa hình trống trải.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

Theo em thế nào là địa hình trống trải? Lấy ví dụ về địa hình trống trải.

c) Sản phẩm

Là những nơi không có vật che khuất hoặc che đỡ như bãi bằng phẳng, đồi trọc, mặt đường,...

d) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.
- GV nhận xét; thống nhất nội dung.

+ Điểm giống nhau: Đều là những vật có thể che giấu được hành động.

+ Điểm khác nhau: Địa hình, địa vật che khuất không thể chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh (bom, pháo, cối, lựu đạn) xuyên qua; địa hình, địa vật che đỡ (chống đỡ được).

II. CÁCH LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

A. Ý NGHĨA

a) Mục tiêu

HS nắm được ý nghĩa lợi dụng địa hình, địa vật.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

Tại sao khi lợi dụng địa hình, địa vật, hành động phải khéo léo, bí mật, và tránh lợi dụng địa vật đột xuất?

c) Sản phẩm

– Khi lợi dụng địa hình, địa vật phải khéo léo, bí mật, không làm rung động vật lợi dụng, phù hợp với màu sắc địa hình để địch khó phát hiện.

– Khi lợi dụng địa hình, địa vật, tránh lợi dụng vật đột xuất: Vì vật đột xuất thường là nơi nghỉ ngơi của địch, nếu ta lợi dụng sẽ không an toàn.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.

– GV nhận xét; thống nhất nội dung.

B. CÁCH LỢI DỤNG

1. Lợi dụng vật che khuất

a) Mục tiêu

HS nắm được mục đích, vị trí và cách lợi dụng vật che khuất.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 8.3; 8.4 trong SGK; theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác lợi dụng vật che khuất (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 8.3; 8.4 trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV nêu tên động tác và thời gian. – GV giảng nguyên tắc. – GV nêu tình huống, gồm: + Thời gian tác chiến: ... + Về địch: Địch ở ... đang tăng cường quan sát về hướng ... + Về ta: Chiến sĩ số ... đã cơ động đến ..., được lệnh cơ động đến ... gặp tổ trưởng nhận nhiệm vụ. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động + Bàn cách xử trí:	– Mục đích lợi dụng: Để giữ kín hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp hoặc làm công sự, vật cản trở, bố trí chông, mìn, cạm bẫy,... để diệt địch. – Vị trí lợi dụng: phải tùy theo độ kín đáo và màu sắc của vật lợi dụng, thời tiết ánh sáng,... mà có thể lợi dụng phía sau, bên cạnh hoặc phía trước, sát gần hoặc xa vật lợi dụng. Đối với vật che khuất kín đáo, dù

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
* GV nêu câu hỏi: Hành động của chiến sĩ phải làm gì? Lợi dụng vị trí nào, động tác lợi dụng như ra sao? * GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi và thực hiện động tác. * GV phân tích, nhận xét, kết luận: Chiến sĩ ... lợi dụng ... để ... Vị trí lợi dụng ...; Động tác lợi dụng... + GV kết luận và hướng dẫn hành động. * GV làm nhanh đối với súng tiểu liên AK. * GV Làm chậm phân tích đối với súng tiểu liên AK. <i>Đối với vật che khuất cao khoảng 1,3 m ÷ 1,4 m:</i> <i>Khi vận động tiếp cận:</i> dùng động tác đi khom chạy khom, tiếp cận vật che khuất cách khoảng 1 ÷ 2 m dừng lại, quan sát kiểm tra chông mìn, cạm bẫy, sau đó tiến sát bụi cây để lợi dụng. <i>Khi lợi dụng:</i> tư thế người cúi thấp hơn bụi cây, nghiêng người sang phải, chân trái gập, chân phải thẳng tự nhiên, tay phải xách súng dọc theo thân người (như động tác dừng lại), tay trái vạch cành lá để quan sát. Khi cần sử dụng súng như kỹ thuật bắn súng. <i>Khi rời khỏi vị trí:</i> lùi về phía sau 1 ÷ 2 bước hoặc di chuyển sang phải (trái), sau đó di chuyển sang vị trí khác. <i>Đối với vật che khuất cao khoảng 0,6 m:</i> <i>Khi vận động tiếp cận:</i> vận dụng động tác lê, bò, trườn... đến sát vật che khuất cách khoảng 1 ÷ 2 m thì dừng lại kiểm tra chông mìn, cạm bẫy, sau đó tiến sát vật lợi dụng. <i>Khi lợi dụng:</i> dùng tư thế động tác quỳ, ngồi để quan sát, tay phải xách súng ở bên hông phải, tay trái vạch cành lá để quan sát. Khi cần sử dụng súng, 2 tay nâng súng lên như kỹ thuật bắn súng bộ binh ở tư thế quỳ. <i>Đối với vật che khuất cao khoảng 0,3 ÷ 0,4 m:</i> <i>Khi vận động tiếp cận:</i> vận dụng động tác bò, trườn tiếp cận cách 1 – 2 m thì dừng lại quan sát, kiểm tra chông, mìn cạm bẫy, sau đó tiếp tục tiến sát vật lợi dụng.	điều kiện thời tiết ánh sáng, màu sắc như thế nào đều có thể lợi dụng phía sau vật. Ban đêm, nếu vật lợi dụng có màu sắc tương đồng với trang phục của người thì có thể lợi dụng cả bên cạnh hoặc phía trước. Đối với vật che khuất không thật sự kín đáo, chủ yếu là lợi dụng phía sau. Nếu phía địch có ánh sáng nhiều hơn phía ta, có thể lợi dụng sát gần vật; nếu ánh sáng phía ta nhiều hơn phía địch thì không nên lợi dụng. Nếu phía ta và địch có ánh sáng đều nhau, phải lợi dụng xa vật một khoảng cách thích hợp. – Tư thế, động tác khi lợi dụng: + Khi ẩn nấp: Tuỳ theo vật lợi dụng cao hay thấp, to hay nhỏ để vận dụng các tư thế phù hợp như đứng, quỳ, nằm, nhưng đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng. + Khi vận động: Tuỳ theo vật lợi dụng cao hay thấp, to hay nhỏ để vận dụng các tư

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<i>Khi lợi dụng:</i> người nằm sấp hoặc nằm nghiêng để quán sát, súng có thể đặt bên phải, tay trái vạch cành lá để quan sát, khi cần sử dụng súng như kỹ thuật bắn súng bộ binh. <i>Khi rời khỏi vị trí:</i> lùi lại 1 – 2 bước rồi mới tiến. <i>GV giới thiệu những điểm chú ý:</i> Trường hợp lợi dụng làm công sự,... Khi dùng vũ khí,... Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức để HS luyện tập động tác lợi dụng vật che khuất. (Phương pháp tiến hành như ở hoạt động 3: Luyện tập). – GV Nhận xét, kết thúc tiết học.	thể cho phù hợp như đi khom, bò, lê, trườn (Hình 8.3) nhưng đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng. Chú ý: Trường hợp lợi dụng để làm công sự, bố trí vật cản để tiêu diệt địch, phải chọn nơi kín đáo, bất ngờ, tiện nguy trang, địch khó phát hiện. Khi đã dùng vũ khí (bắn súng, ném lựu đạn,...) tiêu diệt địch, bị địch phát hiện phải nhanh chóng rời khỏi vị trí đó, tiếp tục lợi dụng vật khác.

2. Lợi dụng vật che đỡ

a) Mục tiêu

HS nắm được mục đích, vị trí và cách lợi dụng vật che đỡ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 8.5 trong SGK; theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác lợi dụng vật che đỡ (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 8.5 trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	– Mục đích lợi dụng: lợi dụng vật che đỡ để che giấu hành động, tránh được đạn

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
– GV nêu tên động tác và thời gian. – GV giảng nguyên tắc. + Mục đích: GV Thuyết trình. + Vị trí lợi dụng: GV hướng dẫn HS đọc thông tin, kết hợp quan sát hình. Sau đó, GV yêu cầu HS đọc thông tin, chuẩn bị nội dung trả lời câu hỏi: Nêu những điểm giống và khác nhau về vị trí lợi dụng vật che khuất và vật che đỡ? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). + GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 – 2 HS trả lời. + GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó kết luận nội dung Điểm giống nhau: Lợi dụng để che giấu hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp; vị trí lợi dụng của vật che khuất và che đỡ như nhau. Điểm khác nhau: Lợi dụng để bắn súng, ném lựu đạn, làm công sự, bố trí vật cản, chỉ lợi dụng vật che đỡ vị trí lợi dụng chủ yếu ở phía sau hoặc phía sau bên phải vật,... – GV nêu tình huống, gồm: + Nêu tình huống: Phương pháp nêu tình huống tương tự như đối với cách lợi dụng vật che khuất. + Bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động: * Bàn cách xử trí: GV nêu câu hỏi: Hành động của chiến sĩ phải làm gì?; Lợi dụng vị trí nào, động tác lợi dụng như ra sao? Chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi và thực hiện động tác; GV phân tích, nhận xét, kết luận. Chiến sĩ ... lợi dụng ... để ...; Vị trí lợi dụng...; Động tác lợi dụng... + GV kết luận và hướng dẫn hành động. GV làm nhanh đối với súng tiểu liên AK. GV làm chậm phân tích đối với súng tiểu liên AK.	bắn thẳng, mảnh bom, mảnh đạn của địch gây ra. – Vị trí lợi dụng: lợi dụng để che giấu hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp. Vị trí lợi dụng cơ bản giống như lợi dụng vật che khuất kín đáo, lợi dụng để bắn súng, ném lựu đạn, làm công sự, bố trí vật cản. Vị trí lợi dụng chủ yếu ở phía sau hoặc phía sau bên phải vật. – Tư thế, động tác khi lợi dụng: + Khi vận động, ẩn nấp: Tư thế động tác khi lợi dụng tương tự như khi lợi dụng vật che khuất. + Khi sử dụng vũ khí tiêu diệt địch: Tùy theo vật lợi dụng cao hay thấp để vận dụng các tư thế đứng, quỳ, nằm bắn (Hình 8.5a, b, c) hoặc ném lựu đạn (Hình 8.5d) cho phù hợp, nhưng chủ yếu phải lấy yếu tố thuận lợi để tiêu diệt địch, đồng thời bảo vệ được mình.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<i>Lợi dụng ụ đất cao 1,3 ÷ 1,4 m:</i> <i>Khi vận động:</i> vận dụng động tác đi khom, đến cách vật lợi dụng 1 – 2 m dừng lại quan sát, kiểm tra, sau đó tiếp cận ụ đất. <i>Khi lợi dụng:</i> Áp sát vào ụ đất, người nghiêng sang phải, chân trái gập, chân phải thẳng tự nhiên xách súng hoặc 2 tay cầm súng để sẵn sàng bắn. <i>Lợi dụng ụ đất cao khoảng 0,6 m:</i> <i>Khi tiếp cận:</i> tiếp cận ụ đất bằng động tác bò, lê,... <i>Khi lợi dụng:</i> người ngồi hoặc quỳ, tay phải xách súng bên hông hoặc hai tay nâng súng lên để bắn. <i>Lợi dụng ụ đất cao khoảng 0,3 ÷ 0,4 m:</i> <i>Khi tiếp cận:</i> tiếp cận ụ đất bằng động tác lê thấp, trườn. <i>Khi lợi dụng:</i> người nằm sấp hoặc nằm nghiêng để quan sát, súng có thể đặt ở bên phải người hoặc để ở bên hông phải, hoặc 2 tay cầm súng sẵn sàng chiến đấu (trường hợp lợi dụng để ném lựu đạn như tài liệu kĩ thuật bắn súng). <i>Lợi dụng gốc cây:</i> <i>Khi tiếp cận:</i> cơ bản giống như ụ đất. <i>Khi lợi dụng:</i> tùy theo gốc cây to hay nhỏ để chọn tư thế cho phù hợp. Nghiêng người thu nhỏ mục tiêu, súng dọc theo thân người, khi cần sử dụng, kết hợp 2 tay nâng súng để bắn. <i>Khi rời khỏi vị trí:</i> Lùi lại 1 đến 2 bước rồi tiến, nếu mới sử dụng vũ khí xong thì phải nghiêng người rồi mới vận động. Nêu điểm chú ý. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS.	

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
– GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập động tác lợi dụng vật che đỡ (Phương pháp tiến hành như ở hoạt động 3: Luyện tập). – GV Nhận xét, kết thúc tiết học	

3. Vượt qua địa hình trống trải

a) Mục tiêu

HS nắm được mục đích, động tác vượt qua địa hình trống trải.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 8.6 trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác lợi dụng vật che đỡ (*Ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 8.6 trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV nêu tên động tác và thời gian. – GV giảng nguyên tắc. Hướng dẫn HS đọc thông tin, sau đó yêu cầu HS chuẩn bị nội dung trả lời câu hỏi: Khi vận động qua địa hình trống trải cần chú ý những điểm gì? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 – 2 HS trả lời, sau đó nhận xét, kết luận. + Kết luận và hướng dẫn hành động: GV làm nhanh đối với súng tiểu liên AK. GV làm chậm, phân tích đối với súng tiểu liên AK, GV nói và thực hiện những điểm chú ý. Bước 3. Báo cáo, thảo luận	– Mục đích: Nhằm tránh địch phát hiện hoặc nếu có phát hiện vẫn khó phân biệt giữa ta và địa hình, địa vật xung quanh. – Tư thế động tác: + Khi vận động: phải triệt để lợi dụng lúc địch sơ hở hoặc sương mù, khói bụi,... dùng động tác vọt tiến (Hình 8.6a) để nhanh chóng vượt qua. - Ban đêm, nếu điều kiện không vọt tiến được thì nguy trang thích hợp, dùng tư thế thấp, nghiêng mình thu nhỏ mục tiêu, khéo léo, thận

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại, GV tổ chức cho HS luyện tập động tác lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải. (Phương pháp tiến hành như ở hoạt động 3: Luyện tập). – GV nhận xét, kết thúc tiết học.	trọng tiến thẳng về hướng đích. Chú ý người không nhấp nhô và không làm rung động nguy trang. Khi ẩn nấp và quan sát: Chủ yếu lợi dụng địa hình, địa vật có màu sắc thích hợp, dùng tư thế thấp để thu nhỏ mục tiêu (Hình 8.6b), hành động phải hết sức khôn khéo, thận trọng, không làm thay đổi hình dáng, tư thế một cách đột ngột và rung động nguy trang

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS luyện tập thành thạo động tác lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ và vượt qua địa hình trống trải.

b) Nội dung

HS thực hành luyện tập động tác lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ và vượt qua địa hình trống trải theo ý định của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện thành thạo động tác lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ và vượt qua địa hình trống trải.

d) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức luyện tập các động tác: động tác lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ và vượt qua địa hình trống trải. Cách tổ chức luyện tập từng nội dung như sau:

– Phổ biến ý định luyện tập, gồm:

+ Nội dung luyện tập.

+ Thời gian luyện tập.

+ Tổ chức luyện tập (cá nhân trong đội hình của tổ, lớp).

+ Phương pháp:

* Luyện tập cá nhân: Từng người tự nghiên cứu, thực hiện động tác, xác định vị trí, cách lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải.

* Luyện tập nhóm: Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập, sửa tập theo các bước.

Bước 1: Tập chậm: Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải (Quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2: Tập tổng hợp: Luyện tập nhanh sát thực tế hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải (Quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

+ Địa điểm: Chỉ tại thực địa.

+ Kí, tín hiệu luyện tập: ...

– Triển khai, duy trì lớp luyện tập; đổi tập giữa các bộ phận theo dõi, sửa tập.

– Hết thời gian luyện tập; tập trung lớp dành thời gian khoảng 10 phút còn lại kiểm tra mỗi tổ 2 – 3 HS thực hiện nhanh động tác, nhận xét; triển khai công việc tiết học tiếp theo.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS biết vận dụng động tác lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ và vượt qua địa hình trống trải trong học tập các nội dung tiếp theo và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS vận dụng động tác lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ và vượt qua địa hình trống trải để không ngừng hoàn thiện kỹ thuật động tác.

c) Sản phẩm

HS vận dụng hiệu quả động tác lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ và vượt qua địa hình trống trải trong quá trình học tập các nội dung chiến thuật tiếp theo.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS vận dụng các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu trong học tập các nội dung khác và thực tiễn cuộc sống.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 9: NHÌN, NGHE, PHÁT HIỆN ĐỊCH, CHỈ MỤC TIÊU, TRUYỀN TIN LIÊN LẠC, BÁO CÁO

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 11....

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá ý nghĩa, yêu cầu, hành động nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo làm cơ sở vận dụng trong chiến đấu và học chiến thuật.

2. Về năng lực

Thực hành được hành động của chiến sĩ, nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo.

3. Về phẩm chất

Vận dụng được các nội dung đã học vào luyện tập các tình huống cụ thể.

Xây dựng ý thức, thái độ nghiêm túc trong học tập. Không ngại khó, ngại bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tài liệu: SGK và các tài liệu liên quan đến nội dung học tập.

Súng tiêu liên AK (CKC), bia số 6, số 7, cờ địch, cờ chỉ huy, còi.

Bãi tập: Vị trí lên lớp và các vị trí để HS luyện tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

– GV nhận lớp; tiến hành công tác kiểm tra; quy định vị trí đặt vật chất; tổ chức khám súng; chấn chỉnh đội hình.

– GV quy định chấp hành kỉ luật học tập; giữ gìn vệ sinh chung.

– GV phổ biến quy tắc sử dụng vũ khí, trang bị; quy tắc bảo đảm an toàn.

– GV phổ biến kí, tín hiệu luyện tập và quy ước tượng trưng.

+ Phổ biến kí, tín hiệu luyện tập:

Tín hiệu bắt đầu tập: Một hồi còi kết hợp cờ đỏ, cờ xanh giơ cao trên đầu và khẩu lệnh "Bắt đầu tập".

Tín hiệu dừng tập: Hai hồi còi kết hợp cờ đỏ (hoặc cờ xanh) chỉ vào bộ phận nào, cá nhân nào thì bộ phận đó, cá nhân đó dừng tập.

Tín hiệu thôi tập: Ba hồi còi kết hợp cờ đỏ, cờ xanh quay trên đầu và khẩu lệnh "Thôi tập".

Điều khiển tập: Cờ đỏ điều khiển cá nhân tập, bộ phận tập; Cờ xanh điều khiển quân xanh, người phục vụ; Dịch chuyển theo hướng cờ phát.

+ Quy ước tượng trưng:

Bia số 6: Tượng trưng cho $1 \div 2$ tên địch.

Bia số 7: Tượng trưng cho tốp địch từ $3 \div 5$ tên.

Bia số 10: Tượng trưng hoả điểm súng máy địch.

Mỡ quay: Tượng trưng hoả lực địch bắn.

Bia, mỡ bố trí ở vị trí nào, thể hiện cho lực lượng của địch tương ứng đang triển khai ở vị trí đó.

Còi thổi hai tiếng liên tục tượng trưng cho hoả lực của ta bắn.

Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu

Tạo sự tò mò và kích thích HS tìm hiểu hành động nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo ở bài học mới.

b) Nội dung

HS huy động kiến thức để trả lời câu hỏi: Theo em, chiến sĩ trong hình 9.1 đang thực hiện nhiệm vụ gì?

c) Sản phẩm

HS trả lời nhiệm vụ của chiến sĩ đang truyền lệnh và chỉ mục tiêu.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời; nhận xét và định hướng HS vào bài học mới.

Hoạt động 2: Khám phá

– GV giới thiệu địa hình, nội dung gồm:

+ Điểm đứng: Đông (Tây, Nam, Bắc,...), điểm cao (bình độ): ...

+ Phương hướng: Chỉ tại thực địa.

+ Địa hình: Điểm cao (bình độ); đường; làng, bản,...

– GV thống nhất hướng địch.

I. NHÌN, NGHE, PHÁT HIỆN ĐỊCH, CHỈ MỤC TIÊU

1. Ý nghĩa, yêu cầu

a) Mục tiêu

HS nắm được ý nghĩa lợi dụng nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: Tại sao khi nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu phải tập trung tư tưởng và có ý thức cảnh giác cao?

c) Sản phẩm

Phải tập trung tư tưởng và có ý thức cảnh giác cao để phán đoán chính xác về địch, không bị địch nghi binh đánh lừa.

d) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.
- GV nhận xét; thống nhất nội dung.

2. Hành động

❖ Nhìn

a) Mục tiêu

HS nắm được cách chọn vị trí và cách nhìn địch.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác nhìn địch (*Ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV nêu tên động tác và thời gian. – GV giảng nguyên tắc.	- Chọn vị trí nhìn: Ban ngày nên chọn nơi cao, kín đáo, có tầm nhìn xa và rộng để theo dõi được hành động của địch, bảo đảm bí mật, tiện cho việc nguy trang và liên lạc báo cáo. Ban đêm nên chọn nơi

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
+ GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Tại sao khi chọn vị trí nhìn, ban ngày nên chọn nơi cao, ban đêm nên chọn nơi thấp? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). GV lấy tinh thần xung phong, kết hợp chỉ định một số HS trả lời. + GV kết luận nội dung: Khi chọn vị trí nhìn, ban ngày nên chọn nơi cao, ban đêm nên chọn nơi thấp để nghe tốt tiếng động do địch phát ra và dễ quan sát, phát hiện các mục tiêu trên cao. – GV nêu tình huống: Thời gian tác chiến: ... Về địch: Ở ... thỉnh thoảng bắn ra ... Về ta: Chiến sĩ số ... đã vận động tới ... nhận lệnh của tổ trưởng nắm chắc tình hình địch, địa hình ở ... kịp thời báo cáo. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động. + Bàn cách xử trí: GV nêu câu hỏi: Người chiến sĩ nên lợi dụng vị trí nào để quan sát địch?; Hành động quan sát địch như thế nào? GV chỉ định một số HS trả lời câu hỏi và thực hiện động tác; phân tích, nhận xét. + GV kết luận và hướng dẫn hành động: Kết luận bằng lời: Chiến sĩ số ... lợi dụng ... để nhìn. Kết luận bằng động tác mẫu gồm: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu. Bước 2: Làm chậm phân tích.	thấp để tiện quan sát, phát hiện các mục tiêu trên cao. – Cách nhìn: Nhìn trực tiếp bằng mắt hoặc qua các vật phản chiếu như gương soi, mặt cửa kính, mặt nước,... Khi nhìn, phải nhìn lướt qua một lượt từ gần đến xa, từ phải qua trái và ngược lại, để phán đoán nơi địch có thể lợi dụng hoặc dấu vết nghi ngờ có địch. Sau đó, nhìn kĩ theo thứ tự: nơi nghi ngờ có địch, khu vực địa hình sẽ lợi dụng để hành động; phải ghi nhớ địa hình, địa vật đã quan sát, những lần nhìn sau chú ý những điểm thay đổi có thể do địch tạo ra như thay đổi hình dáng, màu sắc của địa hình, địa vật, từ đó phán đoán chính xác về địch. Khi đã nhìn thấy rõ địch, phải quan sát địch nhiều hay ít, sử dụng vũ khí gì,... Khi đang vận động, chủ yếu là nhìn lướt qua, muốn nhìn kĩ phải dừng lại. Khi làm nhiệm vụ canh gác, tuần tra không nên vừa đi vừa nhìn.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Ở vị trí 1: Lợi dụng ụ đất cao khoảng 1,4 m, người đứng thu nhỏ mục tiêu, súng dọc theo thân người. Phương pháp nhìn: Nhìn bằng mắt, từ gần đến xa, từ trái sang phải, nhìn từ bãi đất trống trước mặt tới mục tiêu địch và nhìn ngược lại. Khi nhìn phải ghi nhớ đặc điểm mục tiêu, địa hình địa vật, vị trí cụ thể, nhìn để nắm thủ đoạn của địch (Động tác phải thận trọng). Ở vị trí 2: Lợi dụng ụ đất cao khoảng 0,6 m, người ở tư thế quỳ để nhìn, súng xách bên hông phải. Phương pháp nhìn: Nhìn từ gần đến xa, nhìn từ trái sang phải và ngược lại. Nhìn để nắm lực lượng địch, phán đoán phát hiện hành động, thủ đoạn của địch. Ở vị trí 3: Lợi dụng ụ đất cao khoảng 0,3 m, người ở tư thế nằm thu nhỏ mục tiêu để nhìn, phương pháp nhìn cơ bản như ở vị trí 2, chỉ khác lúc này quan sát thấy địch và địa hình có thể lợi dụng để tiếp cận. Bước 3: Làm tổng hợp. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập động tác nhìn (Phương pháp tiến hành như ở hoạt động 3: Luyện tập). – GV nhận xét, kết thúc tiết học.	Khi nhìn qua khe, kẽ của địa hình, địa vật như rèm che, màn vải thưa, cửa kính,... phải tránh ở bên sáng nhìn qua bên tối. Khi ở bên thật tối nhìn qua bên thật sáng có thể đến gần vật chắn để nhìn cho rõ nhưng không để mất quan sát gần vật chắn. Chú ý: Nếu dùng đèn soi về phía địch, nên kết hợp với đồng đội, một người soi, một người nhìn, người soi lợi dụng địa hình, địa vật ẩn nấp, người nhìn ở hướng khác để nhìn.

2. Nghe

a) Mục tiêu

HS nắm được chọn vị trí và cách nghe.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác nhìn định (*Ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV nêu tên động tác và thời gian. – GV giảng nguyên tắc. + GV hướng dẫn HS đọc thông tin, kết hợp quan sát hình trong SGK, yêu cầu HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: Điểm khác nhau giữa chọn vị trí nghe so với chọn vị trí nhìn là gì? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). GV lấy tinh thần xung phong, kết hợp chỉ định một số HS trả lời. + GV kết luận nội dung: * Chọn vị trí nhìn: Ban ngày nên chọn nơi cao, kín đáo có tầm nhìn xa và rộng. Ban đêm nên chọn nơi thấp để dễ quan sát, phát hiện các mục tiêu trên cao. * Chọn vị trí nghe: Thường chọn những nơi tương đối yên tĩnh, xung quanh không có nhiều tiếng động ồn ào lớn hơn tiếng động cần nghe, dưới hướng gió, địa hình, nơi địa vật trống trải, không có vật chắn ngăn cách – Nêu tình huống: + Thời gian tác chiến: ... + Về địch: Ở ... thỉnh thoảng bắn ra ...	– Chọn vị trí nghe: Muốn nghe tốt thường chọn những nơi tương đối yên tĩnh, xung quanh không có nhiều tiếng động ồn ào lớn hơn tiếng động cần nghe, nơi địa hình, địa vật trống trải, không có vật chắn ngăn cách. Cách nghe: Khi có những vật dẫn tiếng động tốt như mặt đất rắn, mặt đường, đường ray tàu hỏa, nơi ẩm ướt và khi cần nghe tiếng động sát phía bên kia vật chắn như tường bao, tường nhà,... nên áp tai vào vật đó để nghe. Cùng một lúc có nhiều tiếng động, phải chọn lọc những tiếng động nghi ngờ nghe trước. Trường hợp trời mưa, gió nhiều tiếng động ồn ào có thể dùng bàn tay làm phễu, úp sát vào vành tai để hờ một ít nhằm nghe được rõ hơn, tránh để mưa tạt, gió rít vào tai hoặc vành mũ,

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
+ Về ta: Chiến sĩ số ... đã vận động tới bờ đất nhận lệnh của tổ trưởng nắm chắc tình hình địch, địa hình ở ... kịp thời báo cáo. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động: + Bàn cách xử trí: GV nêu câu hỏi: Chiến sĩ lợi dụng vị trí nào để nghe? Hành động nghe như thế nào? Sau đó, GV chỉ định một số HS trả lời câu hỏi và thực hiện động tác; phân tích, nhận xét. + Kết luận và hướng dẫn hành động: Kết luận bằng lời: Chiến sĩ số ... lợi dụng ... để nghe. Kết luận bằng động tác mẫu gồm: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu. Bước 2: Làm chậm phân tích. Ở vị trí 1: Lợi dụng bờ đất cao khoảng 1,4 m, chiến sĩ đứng nghe địch bắn là súng tiểu liên hay súng máy. Chiến sĩ dùng tay làm phễu để nghe rõ tiếng bước chân, tiếng động trong trận địa, kết hợp quan sát bằng mắt. Ở vị trí 2: Lợi dụng ụ đất cao khoảng 0,6 m, dùng động tác quỳ để nghe như vị trí 1. Ở vị trí 3: Tại bờ đất thấp cao khoảng 0,3 m, động tác nằm úp xuống đất nghe, nghe tiếng bước chân của địch xa hay gần, tiếng va chạm của vũ khí, trang bị xem địch đang xây dựng công sự hay báo động giả. Quá trình vận động tới các vị trí vừa đi vừa nghe, động tác vận động phải nhẹ nhàng. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu.	gây ra tiếng động sát bên tai, sẽ khó phân biệt âm thanh cần nghe. Chú ý: Khi đang vận động, muốn nghe rõ nên dừng lại. Nếu nghe lúc đang đi, động tác vận động phải nhẹ nhàng. Trong mọi trường hợp, phải luôn đề phòng những tiếng động do địch tạo ra để nghi binh đánh lừa ta.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập động tác nghe (Phương pháp tiến hành như ở hoạt động 3: Luyện tập). – GV Nhận xét, kết thúc tiết học.	

3. Phát hiện địch, chỉ mục tiêu

GV định hướng HS nghiên cứu nêu lên lớp nội dung này thì phương pháp tương tự như nội dung nhìn, nghe.

II. TRUYỀN TIN LIÊN LẠC, BÁO CÁO

1. Ý nghĩa

a) Mục tiêu

HS nắm được ý nghĩa của truyền tin liên lạc, báo cáo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

Tại sao nói truyền tin liên lạc, báo cáo là nội dung không thể thiếu trong chiến đấu?

c) Sản phẩm

Truyền tin liên lạc, báo cáo là nội dung không thể thiếu được trong chiến đấu nhằm bảo đảm chỉ huy được thông suốt, giữ vững liên lạc hiệp đồng trong hành quân và chiến đấu giữa người chỉ huy và bộ đội, giữa đơn vị này với đơn vị khác được bí mật nhanh chóng chính xác.

d) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu câu hỏi và gọi HS trả lời.
- GV nhận xét; thống nhất nội dung.

2. Hành động

a) Mục tiêu

HS nắm được cách truyền tin liên lạc báo cáo,... làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác truyền tin liên lạc báo cáo (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV nêu tên động tác và thời gian. – GV giảng nguyên tắc. + GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Tại sao khi truyền tin ban đêm, người phía trước phải lùi lại phía sau, người phía sau phải tiến lên phía trước? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). GV lấy tinh thần xung phong, kết hợp chỉ định một số HS trả lời. + GV kết luận nội dung: Để bảo đảm yếu tố bí mật và không ảnh hưởng tới tốc độ hành quân của đơn vị. – GV nêu tình huống: + Thời gian tác chiến: ... + Về địch: Ở ... thỉnh thoảng bắn ra hướng ... + Về ta: Chiến sĩ số ... đã vận động tới ... nhận lệnh của tổ trưởng nắm chắc tình hình địch, địa hình ở ... kịp thời báo cáo. – GV kết luận và hướng dẫn hành động: + Kết luận bằng lời: Số ... nhanh chóng phát tín hiệu về sau báo cáo cho trung đội trưởng.	– Dùng lời nói: Thường vận dụng trong hành quân, trú quân và làm nhiệm vụ liên lạc, báo cáo. Trong hành quân: Khi còn xa địch có thể dùng lời nói để truyền tin nhưng phải bảo đảm ngắn gọn, rõ, đủ và chính xác (Hình 9.3); khi gần địch, đến sát người phía sau hoặc trước, nói đủ nghe, hành động phải bí mật. Ban đêm, người phía trước phải lùi lại phía sau, người phía sau tiến lên phía trước, truyền tin xong về vị trí của mình. Khi làm nhiệm vụ liên lạc, báo cáo: Chiến sĩ nhận các nội dung truyền tin liên lạc, báo cáo từ người chỉ huy phải nắm chắc, nếu chưa rõ phải hỏi lại. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc không tìm

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
+ Kết luận bằng động tác mẫu: Làm mẫu động tác truyền tin liên lạc báo cáo theo 3 bước với súng tiêu liên AK: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu. Bước 2: Làm chậm phân tích: Trường hợp phát tín hiệu: Chiến sĩ số ... lợi dụng địa hình, địa vật quan sát tình hình, dùng mũ cối quay tròn trên đầu 3 lần. Trường hợp báo cáo: Chiến sĩ số ... lợi dụng địa hình, địa vật quan sát nắm chắc địch báo cáo: “Báo cáo tổ trưởng: “Địch ở sườn ... đang hoạt động theo quy luật, thỉnh thoảng dùng hỏa lực bắn về ... địch đang tuần tra trong trận địa, địch đang sửa sang lại công sự trận địa – Hết”. Trường hợp truyền tin: Chiến sĩ số ... quan sát địa hình địch, lùi lại phía sau truyền lệnh cho người phía sau mình nội dung truyền tin: “Truyền lệnh của trung đội trưởng: Trung đội dừng lại triển khai đội hình chiến đấu, các tiểu đội trưởng lên đầu đội hình gặp trung đội trưởng nhận nhiệm vụ”. Sau đó, cơ động về vị trí cũ lợi dụng địa hình, địa vật sẵn sàng chiến đấu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập (Phương pháp tiến hành như ở hoạt động 3: Luyện tập). – GV Nhận xét, kết thúc tiết học.	thấy người nhận, phải lập tức trở về báo cáo tình hình cho người chỉ huy. Chú ý: Trong mọi trường hợp, khi bất ngờ gặp địch trên dọc đường hoặc bị không quân, pháo binh địch đánh phá, phải triệt để lợi dụng địa hình, tránh hỏa lực địch sát thương, sau đó khéo léo nghi binh, lừa địch tìm đường vòng tránh; nếu không vòng tránh được, phải nhanh chóng nổ súng tiêu diệt địch và lợi dụng lúc rối loạn bất ngờ vượt qua, tìm mọi cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp bị địch bắt, phải tìm mọi cách huỷ, giấu tài liệu, không để tài liệu rơi vào tay quân địch. – Dùng kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu Trong hành quân ban ngày, ở cự li thích hợp, có thể dùng kí hiệu, tín hiệu như tay, mũ để bắt liên lạc, báo cáo tình hình kịp thời. Ban đêm, thường sử dụng các ám hiệu như vật phát ra ánh sáng hoặc giả

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	tiếng kêu của một số con vật,... để bắt liên lạc với nhau nhưng từng người phải nắm chắc các kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu đã quy định. Khi nhận được kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu phải nhanh chóng chuyển đi ngay.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS luyện tập thành thạo động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc báo cáo.

b) Nội dung

HS thực hành luyện tập động tác động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc báo cáo theo ý định của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện thành thạo động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc báo cáo.

d) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức luyện tập các động tác: động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc báo cáo. Cách tổ chức luyện tập từng nội dung như sau:

– Phổ biến ý định luyện tập, gồm:

+ Nội dung luyện tập.

+ Thời gian luyện tập.

+ Tổ chức luyện tập (cá nhân trong đội hình của tổ, lớp).

+ Phương pháp:

* Luyện tập cá nhân: Từng người tự nghiên cứu, thực hiện động tác.

* Luyện tập nhóm: Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập, sửa tập theo các bước.

Bước 1: Tập chậm: Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, truyền tin liên lạc, báo cáo (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2: Tập tổng hợp: Luyện tập nhanh sát thực tế hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, truyền tin liên lạc, báo cáo (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

+ Địa điểm: Chỉ tại thực địa.

+ Kí, tín hiệu luyện tập:

– Triển khai, duy trì lớp luyện tập; đổi tập giữa các bộ phận theo dõi, sửa tập.

– Hết thời gian luyện tập; GV tập trung lớp, dành thời gian khoảng 10 phút còn lại kiểm tra mỗi tổ 2 – 3 HS thực hiện nhanh động tác, nhận xét và triển khai công việc tiết học tiếp theo.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS biết vận dụng động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc báo cáo trong học tập các nội dung tiếp theo và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS vận dụng động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc báo cáo để không ngừng hoàn thiện kĩ thuật động tác.

c) Sản phẩm

HS vận dụng hiệu quả động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc báo cáo quá trình học tập các nội dung chiến thuật tiếp theo.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS vận dụng động tác nhìn, nghe, truyền tin liên lạc, báo cáo. trong học tập các nội dung khác và trong thực tiễn cuộc sống.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT HOÀNG VĂN THỤ

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Ngoại ngữ - Thể chất - GDQPAN

Lê Thị Linh Chi

BÀI 10: KỸ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá về tính năng, cấu tạo, cách sử dụng lựu đạn F-1 và LD-01 Việt Nam; kỹ thuật thực hiện động tác ném lựu đạn ở các tư thế: đứng, quỳ, nằm.

2. Về năng lực

Thực hiện được động tác đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn.

3. Về phẩm chất

Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong luyện tập động tác ném lựu đạn; có ý thức tổ chức kỷ luật, bảo đảm an toàn trong việc sử dụng lựu đạn, súng tiểu liên AK; nêu cao ý chí, quyết tâm, khắc phục khó khăn luyện tập thành thạo động tác ném lựu đạn ở các tư thế đứng, quỳ, nằm.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tranh hoặc mô hình lựu đạn F-1, LD-01 Việt Nam; lựu đạn tập; súng tiểu liên AK; vị trí dạy học và luyện tập ném lựu đạn.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GV nhận lớp; tiến hành công tác kiểm tra; quy định vị trí đặt vật chất; chấn chỉnh đội hình.

GV quy định chấp hành kỷ luật học tập; giữ gìn vệ sinh chung.

GV phổ biến quy tắc bảo đảm an toàn.

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

HS nắm được các tư thế ném lựu đạn (đứng, quỳ, nằm) phù hợp với các vật che đỡ; tạo hứng thú học tập động tác ném lựu đạn ở các tư thế khác nhau.

b) Nội dung

HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm

Hình 10.1a, b, c tương ứng với các tư thế đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS quan sát hình 10.1 trong SGK (hoặc quan sát các vật che đỡ tương tự trong SGK tại vị trí dạy học); nêu câu hỏi.

HS trả lời; các HS khác nhận xét, bổ sung.

GV thống nhất các trường hợp vận dụng tư thế ném lựu đạn tương ứng với các vật che đỡ.

Hoạt động 2. Khám phá

1. Tính năng, cấu tạo và chuyển động một số loại lựu đạn thường dùng

a) Mục tiêu

HS nắm được tính năng, đặc điểm số liệu, cấu tạo và chuyển động của lựu đạn F-1 và LĐ-01 Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 10.2, 10.3 trong SGK.

c) Sản phẩm

HS nêu được tính năng, đặc điểm số liệu, cấu tạo và chuyển động của lựu đạn F-1 và LĐ-01 Việt Nam (ở cột yêu cầu cần đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Lựu đạn F-1 Việt Nam	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 10.2 trong SGK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS tham gia thảo luận nhóm về tính năng, đặc điểm số liệu, cấu tạo và chuyển động của lựu đạn F-1 Việt Nam. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về tính năng, đặc điểm số liệu, cấu tạo và chuyển động của lựu đạn F-1 Việt Nam.	– Tính năng: Trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá huỷ phương tiện chiến tranh của đối phương bằng mảnh gang và sức ép của khí thuốc. – Đặc điểm số liệu: + Trọng lượng toàn bộ: 600 g + Chiều cao toàn bộ: 117 mm + Đường kính thân lựu đạn: 55 mm + Trọng lượng thuốc nổ TNT: 60 g + Thời gian cháy chậm: 3 – 4 giây + Bán kính sát thương: 20 m – Cấu tạo: + Thân lựu đạn: làm bằng gang có khía tạo thành các múi, bên trong nhồi thuốc nổ TNT, cổ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ. + Bộ phận gây nổ: để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn. Bộ phận gây nổ gồm thân bộ phận gây nổ, lò xo kim hoả, kim hoả, hạt lửa, thuốc cháy chậm, kíp, cần bẫy (mỏ vịt), chốt an toàn và vòng kéo.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	– Chuyển động: + Lúc bình thường, chốt an toàn giữ không cho cần bẩy bật lên, đầu cần bẩy giữ đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bị ép lại. + Khi rút chốt an toàn, đuôi cần bẩy bật lên, đầu cần bẩy rời khỏi đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bung ra, đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm cháy (từ 3 – 4 giây) phụt lửa vào kíp gây nổ lựu đạn.
Lựu đạn LĐ-01 Việt Nam	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 10.3 trong SGK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS tham gia thảo luận nhóm về tính năng, đặc điểm số liệu, cấu tạo và chuyển động của lựu đạn LĐ-01 Việt Nam. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về tính năng, đặc điểm số liệu, cấu tạo và chuyển động của lựu đạn LĐ-01 Việt Nam.	– Tính năng: Dùng để sát thương sinh lực địch bằng uy lực của thuốc nổ kết hợp các mảnh văng. – Đặc điểm số liệu: + Trọng lượng toàn bộ: 365 – 400 g + Chiều cao toàn bộ: 88 mm + Đường kính thân lựu đạn: 57 mm + Sử dụng ngòi nổ: NLD-01 VN + Trọng lượng thuốc nổ: 125 – 135 g + Thời gian cháy chậm: 3,2 – 4,2 giây + Bán kính sát thương: 5 - 6 m – Cấu tạo: + Thân lựu đạn: làm bằng thép có bề dày 2,5 mm gồm hai nửa (trên và dưới), mặt trong khía rãnh để tạo nhiều mảnh nổ. Bên trong nhồi thuốc nổ, miệng lựu đạn có ống ren để lắp ngòi nổ. Lựu đạn được sơn màu xanh quân sự. + Bộ phận gây nổ: để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn. Bộ phận gây nổ gồm thân bộ phận gây nổ, lò xo kim hoả, kim hoả, hạt lửa, liều giữ chậm, kíp, cần bẩy, chốt an toàn và vòng kéo, chốt cài. – Chuyển động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
	+ Lúc bình thường, kim hoả nằm ngửa được mặt trên của cần bẫy ép chặt. Cần bẫy được giữ chặt với thân ngòi bằng chốt an toàn, chốt cài, vòng kéo để giữ an toàn trong quá trình bảo quản, vận chuyển. + Khi rút chốt an toàn, cần bẫy bung ra, kim hoả được giải phóng chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy liều giữ chậm, liều giữ chậm cháy (từ 3,2 – 4,2 giây), lửa phụt vào kíp gây nổ lựu đạn.

2. Động tác ném lựu đạn

a) Mục tiêu

HS nắm được trường hợp vận dụng và thực hiện được động tác ném lựu đạn ở các tư thế đứng, quỳ, nằm,...

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 10.4 – 10.13; quan sát hành động làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được các cử động của động tác đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Đứng ném lựu đạn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 10.4 – 10.7 trong SGK và theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV nêu trường hợp vận dụng của động tác đứng ném lựu đạn. – GV làm mẫu động tác đứng ném lựu đạn qua ba bước: Bước 1: Làm nhanh Bước 2: Làm chậm phân tích. Nêu điểm chú ý.	– Trường hợp vận dụng: thường được dùng trong trường hợp địch ở xa, địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực, có thể đứng tại chỗ ném hoặc ném khi đang vận động. – Động tác: + Cử động 1: Tay trái cầm súng (cầm khoảng dưới ốp lót tay) xách súng lên ngang tầm thắt lưng, mũi súng chéch lên trên. Tay phải lấy lựu đạn ra, bàn tay phải nắm lựu đạn (cần bẫy nằm trong lòng bàn tay) vòng giật chốt an toàn quay sang trái, tay trái bẻ thẳng chốt an toàn, ngón trỏ móc vào vòng kéo, kết hợp lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn. Khi rút chốt an toàn, phải rút thẳng theo hướng trục lỗ. + Cử động 2: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 3: Làm tổng hợp HS quan sát nắm kĩ thuật thực hiện động tác đứng ném lựu đạn; sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. GV chuyển sang giới thiệu động tác quỳ ném lựu đạn.	ném, lấy mũi bàn chân trái và gót bàn chân phải làm trụ xoay người sang phải (gót trái kiễng), người hơi cúi về phía trước, chân trái chùng, chân phải thẳng. + Cử động 3: Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau để lấy đà, người ngả về sau, chân trái thẳng, gối phải hơi chùng. Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải để ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước một góc khoảng 45° (hợp với mặt phẳng ngang), thì buông lựu đạn ra, đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay trái đưa súng về phía sau cho cân bằng. Chân phải theo đà bước lên một bước dài, tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác. <i>Chú ý:</i> Người ném thuận tay trái thì làm ngược lại; muốn ném được xa phải biết phối hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút mạnh và đột nhiên của cánh tay; khi vung lựu đạn về phía trước, phải giữ cánh tay ở độ cong, độ chùng tự nhiên (không thẳng hẳn cũng không cong quá) mới có sức vút mạnh, buông lựu đạn đi phải đúng thời cơ, đúng góc ném, đúng hướng.
Quỳ ném lựu đạn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 10.8 – 10.10 trong SGK và theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – GV nêu trường hợp vận dụng của động tác quỳ ném lựu đạn. – GV làm mẫu động tác quỳ ném lựu đạn qua một bước: Làm chậm phân tích (Bước 2).	– Trường hợp vận dụng: Khi ở gần địch và địa hình hạn chế (chiều cao vật che đỡ 60 – 80 cm) vận dụng tư thế quỳ ném lựu đạn. – Động tác: + Cử động 1: Tay phải xách súng, chân trái bước chéo sang phải một bước (gót bàn chân trái cách mũi bàn chân phải khoảng 20 – 30 cm), sao cho mép phải của bàn chân trái thẳng với mép trái của bàn chân phải. + Cử động 2: Dùng mũi bàn chân phải làm trụ xoay gót lên cho bàn chân hợp với hướng ném một góc khoảng 90°, quỳ gối phải xuống đất theo hướng bàn

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
– HS quan sát nắm kỹ thuật thực hiện động tác quỳ ném lựu đạn; sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. GV chuyển sang giới thiệu động tác nằm ném lựu đạn.	chân phải, mông bên phải ngồi lên gót bàn chân phải, ống chân trái thẳng đứng, súng dựa vào cẳng tay trái, mặt súng quay vào phía thân người. Tay phải lấy lựu đạn ra, bàn tay phải cầm lựu đạn (như động tác đứng ném). + Cử động 3: Tay trái cầm súng, báng súng quay sang trái, nòng súng chéch lên trên sang phải, tay trái rút chốt an toàn, dùng mũi bàn chân làm trụ xoay người về phía phải, hơi ngả về sau, đồng thời gối phải theo đà xoay theo, mông hơi nhô lên. Tay phải đưa lựu đạn qua phải về sau để lấy đà, đồng thời dùng sức vút của cánh tay phải, sức rướn của thân người và sức bật của đùi phải ném lựu đạn vào mục tiêu.
Nằm ném lựu đạn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 10.11 – 10.13 trong SGK và theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - GV nêu trường hợp vận dụng của động tác nằm ném lựu đạn. - GV làm mẫu động tác nằm ném lựu đạn qua một bước: Làm chậm phân tích (Bước 2). - HS quan sát nắm kỹ thuật thực hiện động tác nằm ném lựu đạn; sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu.	– Trường hợp vận dụng: Khi gần địch và địa hình trống trải không có hoặc chiều cao vật che đỡ thấp (cao không quá 40 cm) thì vận dụng tư thế nằm ném. – Động tác: + Cử động 1: Tay phải xách súng, chân phải bước lên 1 bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải, chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20 cm, mũi bàn tay hướng chéch về bên phải phía sau, thứ tự đặt cẳng tay trái, đùi trái xuống đất và nằm xuống. + Cử động 2: Tay phải đặt súng sang bên phải, hộp tiếp đạn quay sang trái, đầu nòng súng hướng về phía mục tiêu, thân người hơi nghiêng sang trái, hai tay lấy lựu đạn ra, tay phải cầm lựu đạn, tay trái rút chốt an toàn. + Cử động 3: Hai tay chống trước ngực, mũi bàn chân trái và đầu gối trái làm trụ, vừa nâng vừa đẩy người là là mặt đất về sau, cẳng chân trái để nguyên,

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. - GV chuyển sang tổ chức luyện tập động tác ném lựu đạn.	chân phải duỗi thẳng tự nhiên và lùi về sau tới khi gối trái thành thế co ngang thắt lưng. Tay phải đưa lựu đạn sang phải về sau hết cỡ, tay trái đẩy nửa thân người phía trên xoay theo, chân phải theo đà xoay theo, thân người hơi cong về sau, đồng thời dùng sức vút của tay phải, sức bật của thân người và sức đẩy của chân trái ném lựu đạn vào mục tiêu và nằm xuống, ném tiếp quả khác hoặc lấy súng tiếp tục bắn hoặc tiến. <i>Chú ý:</i> Khi ném lựu đạn phải kết hợp sức vút của tay và sức bật của người để ném được xa, đồng thời chân phải xoay theo trục hướng ném để vừa lấy đà vừa giữ cho lựu đạn đi đúng hướng. Không được quỳ gối lên rồi mới ném lựu đạn vì tư thế cao dễ bị lộ.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về tính năng, cấu tạo, chuyển động của lựu đạn; động tác ném lựu đạn ở các tư thế đứng, quỳ, nằm.

b) Nội dung

HS ôn luyện về binh khí, động tác ném lựu đạn theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm vững được tính năng, đặc điểm số liệu, cấu tạo của lựu đạn F-1 và LĐ-01 Việt Nam; thực hiện được động tác ném lựu đạn ở các tư thế đứng, quỳ, nằm.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS kẻ bảng để so sánh tính năng, đặc điểm số liệu và cấu tạo của lựu đạn F-1 và LĐ-01 Việt Nam.

Nội dung		Lựu đạn	
		F-1 Việt Nam	LĐ-01 Việt Nam
Tính năng		Trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá hủy phương tiện chiến tranh của đối phương bằng mảnh gang và sức ép của khí thuốc.	Dùng để sát thương sinh lực địch bằng uy lực của thuốc nổ kết hợp các mảnh văng.
Đặc điểm số liệu	Trọng lượng toàn bộ	600 g	365 – 400 g
	Đường kính thân lựu đạn	55 mm	57 mm
	Chiều cao toàn bộ	117 mm	88 mm

	Trọng lượng thuốc nổ	TNT: 60 g	125-135 g
	Thời gian cháy chậm	3 – 4 giây	3,2 – 4,2 giây
	Bán kính sát thương	20 m	5 – 6 m
	Sử dụng ngòi nổ	//	NLĐ-01 VN
Cấu tạo	Cấu tạo chung	Thân lựu đạn; thuốc nổ; bộ phận gây nổ	
	Cấu tạo bộ phận gây nổ	Thân bộ phận gây nổ	
		Là xo kim hoả	
		Kim hoả	
		Hạt lửa	
		Thuốc cháy chậm	
		Kíp	
		Chốt an toàn và vòng kéo	
		Cần bẫy (mỏ vịt)	
		//	Chốt cài

2. GV hướng dẫn HS quan sát vị trí của kim hoả lúc bình thường và khi rút chốt an toàn để rút ra sự khác nhau về nguyên lí hoạt động của lựu đạn F-1 và NLĐ-01 Việt Nam.

Lựu đạn F-1 Việt Nam hoạt động theo nguyên lí kim hoả chọc vào hạt lửa; lựu đạn NLĐ-01 Việt Nam hoạt động theo nguyên lí búa đập (kim hoả) vào hạt lửa.

3. Động tác ném lựu đạn

– GV phổ biến ý định luyện tập, gồm:

+ Nội dung luyện tập: Động tác đứng ném, quỳ ném, nằm ném lựu đạn.

+ Thời gian luyện tập

+ Tổ chức, phương pháp luyện tập:

* Tổ chức luyện tập: Thành ba (theo tổ) điểm tập (ở mỗi điểm tập là một tổ, nội dung luyện tập lần lượt từ động tác đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn).

* Phương pháp luyện tập

Luyện tập cá nhân: Từng người vừa làm, vừa nghiên cứu, tập chậm từng cử động của động tác; tập nhanh dần động tác, tập tổng hợp toàn bộ động tác.

Luyện tập theo nhóm: Nhóm tập trung thành hàng ngang, gọi tên từng người ra tập, có người hô tập và bình tập, cứ như vậy thay nhau hô tập. Tập chậm từng cử động, từng động tác; tập nhanh dần; tập tổng hợp cho đến khi thuần thục động tác.

Khi luyện tập nhanh (có ném lựu đạn) thì phải có người phục vụ (đọc điểm rơi và nhặt lựu đạn).

Cách hô luyện tập: Động tác đứng (quỳ, nằm) ném lựu đạn, cử động 1, cử động 2, cử động 3.

+ Địa điểm luyện tập: GV chỉ tại thực địa.

+ Kí, tín hiệu luyện tập: Sử dụng còi kết hợp với khẩu lệnh trực tiếp.

– GV tổ chức cho HS khởi động.

– GV duy trì luyện tập, theo dõi, giúp đỡ và sửa tập cho HS trong quá trình luyện tập (thực hiện sai đâu sửa đó).

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS biết vận dụng kiến thức đã học vào những tình huống cụ thể trong thực tiễn.

b) Nội dung

HS luyện tập thành thạo động tác ném lựu đạn và nghiên cứu lại những điểm chú ý của động tác ném lựu đạn.

c) Sản phẩm

HS biết cách ném lựu đạn trúng mục tiêu.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS luyện tập thành thạo động tác ném lựu đạn và cần chú ý những điểm sau:

Để ném lựu đạn được xa trúng đích và trúng hướng trong hội thao, HS cần luyện tập thuần thục các tư thế ném lựu đạn. Trong đó đối với động tác đứng ném cần rèn luyện tốt việc: phối hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút mạnh và đột nhiên của cánh tay; khi vung lựu đạn về phía trước, phải giữ cánh tay ở độ cong, độ chùng tự nhiên (không thẳng hẳn cũng không cong quá), buông lựu đạn đi phải đúng thời cơ, đúng góc ném, đúng hướng. Đối với động tác nằm ném, cần rèn luyện sự kết hợp sức vút của tay và sức bật của người để ném được xa, đồng thời chân phải xoay theo trục hướng ném để vừa lấy đà vừa giữ cho lựu đạn đi đúng hướng.